Câu-hỏi-ôn-tập-trắc-nghiệm-Lý-luận-nhà-nước-và-pháp-luật

**CÂU HỎI ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

**Câu 1**. Sự xuất hiện của nhà nước cổ đại nào sau đây có nguyên nhân là do mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được:

**a.**Nhà nước Giéc – manh                                                **b.**Nhà nước Rôma

**c.**Nhà nước Aten                                                                                       **d.**Các Nhà nước phương Đông

**Câu 2**. Theo học thuyết Mác – Lênin, nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Tính chất giai cấp của nhà nước không đổi nhưng bản chất của nhà nước thì thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**b.**Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước không thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**c.**Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước luôn luôn thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**d.**Tính chất giai cấp của nhà nước luôn luôn thay đổi, còn bản chất của nhà nước là không đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**Câu 3**. Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:

**a.**Thành phố Huế                                                                                    **b.**Thành phố Cần Thơ

**c.**Thành phố Đà Nẵng                                                                               **d.**Thành phố Hải Phòng

**Câu 4**. Câu nào sau đây đúng với quy định được ghi trong Đ51HPVN2013:

**a.**“Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa…”.

b. “Nền kinh tế Việt Nam là nền *kinh tế thị trường* định hướng xã hội chủ nghĩa…”.

**c.**“Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh theo định hướng xã hội chủ nghĩa…”.

**d.**“Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa…”.

**Câu 5**. Câu nào sau đây đúng với quy định được ghi trong Đ51HPVN:

a. Nền kinh tế Việt Nam … với ba hình thức sở hữu, sáu thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

b. Nền kinh tế Việt Nam … với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo.

c. Nền kinh tế Việt Nam … với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

d. Nền kinh tế Việt Nam … với ba hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giữ vai trò chủ đạo.

**Câu 5**. Sự tồn tại của nhà nước:

**a.**Là kết quả tất yếu của xã hội loài người, ở đâu có xã hội ở đó tồn tại nhà nước

**b.**Là kết quả tất yếu của xã hội có giai cấp

**c.**Là do ý chí của các thành viên trong xã hội với mong muốn thành lập nên nhà nước để bảo vệ lợi ích chung.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 6**. Số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hiện nay của nước CHXHCN Việt Nam là:

**a.**62                                                                                            **b.**63

**c.**64                                                                                  **d.**65

**Câu 7**. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

**a.**Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên tron g xã hội.

**b.**Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

**c.**Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

**d.**Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

**Câu 8**. Ngoài tính chất giai cấp, kiểu nhà nước nào sau đây còn có vai trò xã hội:

**a.**Nhà nước XHCN

**b.**Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản

**c.**Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến

**d.**Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến; Nhà nước chủ nô

**Câu 9**. Theo Hiến pháp Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Do nhân dân bầu                                                              **b.**Do Quốc hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước

**c.**Do Chủ tịch nước giới thiệu                                                  **d.**Do Chính phủ bầu

**Câu 10**. Theo Điều lệ ĐCS Việt Nam, nếu không có đại hội bất thường, thì mấy năm ĐCS Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc một lần:

**a.**3 năm                                                                        **b.**4 năm

**c.**5 năm                                                                       **d.**6 năm

**Câu 11**. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:

**a.**Việt Nam                                                                       **b.**Pháp

**c.**Ấn Độ                                                                           **d.**Cả b và c

**Câu 12**. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

**a.**Mêxicô                                                                         **b.**Thụy Sĩ

**c.**Séc                                                                         **d.**Cả a, b và c

**Câu 13**. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc là:

**a.**Nhà nước đơn nhất                                                      **b.**Nhà nước liên bang

**c.**Nhà nước liên minh                                                      **d.**Cả a và c đều đúng

**Câu 14**. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

**a.**Đức                                                                              **b.**Ấn Độ

**c.**Nga                                                                                    **d.**Tất cả đều sai

**Câu 15**. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

**a.**Ucraina                                                                                 **b.**Marốc

**c.**Nam Phi                                                                         **d.**Cả a và c

**Câu 16**: Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:

**a.**Đức                                                                               **b.**Bồ Đào Nha

**c.**Hoa Kỳ                                                                           **d.**Cả a và b

**Câu 17**. Nhà nước quân chủ hạn chế (quân chủ lập hiến) là nhà nước:

**a.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể và được hình thành theo phương thức thừa kế.

**b.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể do bầu cử mà ra.

**c.**Quyền lực nhà nước được phân chia cho người đứng đầu nhà nước theo phương thức thừa kế và một CQNN khác.

**d.**Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể gồm những người quý tộc và được hình thành do thừa kế.

**Câu 18**. Trong nhà nước quân chủ chuyên chế:

**a.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một một cơ quan tập thể và do bầu cử mà ra.

**b.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một người và được hình thành do bầu cử.

**c.**Quyền lực nhà nước thuộc về một người và được hình thành theo phương thức thừa kế.

**d.**Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể, được hình thành theo phương thức thừa kế.

**Câu 19**. Nhà nước quân chủ là nhà nước:

**a.**Quyền lực nhà nước tối cao tập trung vào người đứng đầu nhà nước và được hình thành do bầu cử.

**b.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về người đứng đầu nhà nước hay thuộc về một tập thể, và được hình thành do bầu cử.

**c.**Quyền lực nhà nước tối cao tập trung toàn bộ hay một phần chủ yếu vào tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 20**. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Bộ thủy lợi                                                                 **b.**Bộ viễn thông

**c.**Cả a và b đều đúng                                                       **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 21**. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Bộ ngoại giao                                                            **b.**Tài nguyên khoáng sản

**c.**Bộ y tế và sức khỏe cộng đồng                                              **d.**Cả b và c

**Câu 22**. Quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, ngoài các điều kiện khác, muốn tham gia ứng cử, phải:

**a.**Từ đủ 15 tuổi                                                                    **b.**Từ đủ 18 tuổi

**c.**Từ đủ 21 Tuổi                                                                  **d.**Từ đủ 25 tuổi

**Câu 23**. Kiểu nhà nước nào có sử dụng phương pháp thuyết phục để cai trị và quản lý xã hội:

**a.**Nhà nước XHCN                                                               **b.**Nhà nước XHCN và nhà nước tư sản

**c.**Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản và nhà nước phong kiến         **d.**Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

**Câu 24**. Trong Tuyên ngôn ĐCS của **C.**Mác và Ph.Ăngghen viết: “Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”.

        Đại từ nhân xưng “các ông” trong câu nói trên muốn chỉ ai?:

**a.**Các nhà làm luật                                                                        **b.**Quốc hội, nghị viện

**c.**ôngc, giai cấp thống trị                                                **d.**Chính phủ

**Câu 25**. Theo Hiến pháp Việt Nam, thì:

**a.**Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

**b.**Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

**c.**Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

**d.**Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

**Câu 26**. Theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam 2008, công dân Việt Nam có:

**a.**1 quốc tịch                                                                    **b.**2 quốc tịch

**c.**3 quốc tịch                                                                    **d.**Nhiều quốc tịch

**Câu 27**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam, cơ quan có quyền lập hiến và lập pháp:

**a.**Chủ tịch nước                                                                           **b.**Quốc hội

**c.**Chính phủ                                                                                 **d.**Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

**Câu 28**. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 2013, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:

**a.**1 kỳ                                                                       **b.**2 kỳ

**c.**3 kỳ                                                                           **d.**Không có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

**Câu 29**. Số cơ quan trực thuộc chính phủ của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**8 cơ quan trực thuộc chính phủ                                                       **b.**9 cơ quan trực thuộc chính phủ

**c.**10 cơ quan trực thuộc chính phủ                                                       **d.**11 cơ quan trực thuộc chính phủ

**Câu 30**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam, có mấy cấp xét xử:

**a.**2 cấp                                                                                **b.**3 cấp

**c.**4 cấp                                                                               **d.**5 cấp

**Câu 31**. Cơ quan nào không phải là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Thanh tra chính phủ                                                                         **b.**Bảo hiểm xã hội Việt Nam

**c.**Ngân hàng nhà nước                                                                        **d.**Cả a và c

**Câu 32**. Nhiệm vụ của nhà nước là:

**a.**Phương diện, phương hướng, mặt hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

**b.**Những vấn đề đặt ra mà nhà nước phải giải quyết, những mục tiêu mà nhà nước phải hướng tới.

**c.**Cả a và b

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 33**. Hội đồng nhân dân là:

**a.**Cơ quan lập pháp                                                       **b.**Cơ quan hành pháp

**c.**Cơ quan tư pháp                                                        **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 34**. Cơ quan nào sau đây là cơ quan hành chính nhà nước:

**a.**Quốc hội                                                                         **b.**Chính phủ

**c.**UBND các cấp                                                               **d.**Cả b và c đúng

**Câu 35**. Nhiệm vụ của nhà nước:

**a.**Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.                                                           **b.**Xóa đói giảm nghèo

**c.**Điện khí hóa toàn quốc                                                                   **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 36**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Mọi thị xã là nơi đặt trung tâm hành chính của tỉnh                             **c.**Cả a và b đều đúng

**b.**Mọi thị trấn là nơi đặt trung tâm hành chính của huyện                       **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 37**. Theo Hiến pháp Việt Nam, Chủ tịch nước Nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Do nhân dân bầu ra                                                                       **b.**Do Quốc hội bầu ra

**c.**Do nhân dân bầu và Quốc hội phê chuẩn                                     **d.**Được kế vị

**Câu 38**. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:

**a.**1 kỳ                                                                        **b.**2 kỳ

**c.**3 kỳ                                                                        **d.**Không có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

**Câu 39**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam, cơ quan nào sau đây có quyền lập hiến và lập pháp:

**a.**Chủ tịch nước                                                               **b.**Quốc hội

**c.**Chính phủ                                                               **d.**Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

**Câu 40**. Người nước ngoài được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam theo Luật doanh nghiệp, khi:

**a.**Có vợ là người Việt Nam                                                                **b.**Có sở hữu nhà tại Việt Nam

**c.**Có con là người Việt Nam                                                           **d.**Có thẻ thường trú tại Việt Nam

**Câu 41**. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu không có quốc tịch Việt Nam:

**a.**Không được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam

**b.**Được thành lập doanh nghiệp như người nước ngoài thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.

**c.**Được thành lập doanh nghiệp như người Việt Nam

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 42**. Cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp:

**a.**Quốc hội                                                                  **b.**Chính phủ

**c.**Tòa án nhân dân                                                              **d.**Viện kiểm sát nhân dân

**Câu 43**. Cơ quan nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

**a.**Tòa kinh tế                                                                   **b.**Tòa hành chính

**c.**Tòa dân sự                                                                      **d.**Tòa hình sự

**Câu 44**. Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xuất hiện từ khi nào:

**a.**Từ khi xuất hiện nhà nước chủ nô                                           **b.**Từ khi xuất hiện nhà nước phong kiến

**c.**Từ khi xuất hiện nhà nước tư sản                                              **d.**Từ khi xuất hiện nhà nước XHCN

**Câu 45**. Theo quy định của Hiến pháp, người có quyền công bố Hiến pháp và luật là:

**a.**Chủ tịch Quốc hội                                                           **b.**Chủ tịch nước

**c.**Tổng bí thư                                                              **d.**Thủ tướng Chính phủ

**Câu 46**. Theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội Việt Nam năm 2015:

**a.**Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức chuyên trách.

**b.**Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.

**c.**Quốc hội Việt Nam hoạt động theo hình thức vừa có các đại biểu kiêm nhiệm, vừa có các đại biểu chuyên trách.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 47**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam:

**a.**Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân Thủ đô Hà Nội.

**b.**Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước.

**c.**Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho quyền lợi của nhân dân địa phương nơi đại biểu được bầu ra.

**d.**Cả a và c đều đúng

**Câu 48**. Toà án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm:

**a.**Toà án nhân dân cấp huyện xét xử theo thẩm quyền do luật định

**b.**Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử theo thẩm quyền do luật định

**c.**Các toà chuyên trách thuộc Toà án nhân dân tối cao xét xử theo thẩm quyền do luật định.

**d.**Cả a và b đúng

**Câu 49**. Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, khái niệm “cộng sản” dùng để chỉ:

**a.**Một hình thức nhà nước                                                                      **b.**Một chế độ xã hội

**c.**Cả hình thức nhà nước và chế độ xã hội                                               **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 50**. Cơ sở kinh tế của nhà nước chủ nô là:

**a.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

**b.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

**c.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

**d.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

**Câu 51**. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước tư sản, bao gồm:

**a.**Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.

**b.**Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân

**c.**Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức…

**d.**Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

**Câu 52**. Người có thẩm quyền cho gia nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch, tước quốc tịch VN:

**a.**Chủ tịch nước                                                                                 **b.**Thủ tướng Chính phủ

**c.**Chủ tịch Quốc hội                                                                             **d.**Chánh án Toà án nhân dân tối cao

**Câu 53**. Cơ quan nào sau đây thực hiện quyền lập hiến và lập pháp:

**a.**Cơ quan lập pháp                                                              **b.**Quốc hội

**c.**Nghị viện                                                               **d.**Cả a, b và c

**Câu 54**. Tên gọi chung của cơ quan có chức năng buộc tội hay truy tố ai đó ra trước pháp luật:

**a.**Viện kiểm sát                                                             **b.**Viện công tố

**c.**Cả a, b đúng                                                                    **d.**Cả a, b sai

**Câu 55**. Nhận định nào sau đây là không đúng:

**a.**Sự xuất hiện của Nhà nước Giéc – manh, Nhà nước Roma, Nhà nước phương Đông cổ đại là do mâu thuẫn giữa các giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa đượ**c.**

**b.**Mâu thuẫn giai cấp không phải là nguyên nhân trực tiếp làm xuất hiện Nhà nước Giéc – manh, Nhà nước Rôma, các Nhà nước phương Đông cổ đại.

**c.**Sự xuất hiện của Nhà nước Aten cổ đại là do mâu thuẫn giữa các giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa đượ**c.**

**d.**Sự xuất hiện của các nhà nước cổ đại đều xuất phát từ nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp là mâu thuẫn giữa các giai cấp.

**Câu 56**. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có:

**a.**Dân tộc Kinh và 54 dân tộc thiểu số                                     **b.**53 dân tộc

**c.**54 dân tộc                                                                    **d.**55 dân tộc

**Câu 57**. Bộ máy hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam được chia thành mấy cấp:

**a.**2 cấp: cấp TW, cấp cơ sở.

**b.**3 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

**c.**4 cấp: cấp TW, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

**d.**5 cấp: cấp TW, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và cấp thôn.

**Câu 58**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 2013, thì đâu là cấp chính quyền cơ sở:

**a.**Chính quyền địa phương

**b.**Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

**c.**Cấp xã, phường, thị trấn.

**d.**Buôn, làng, thôn, phum, sóc, bản, mường, ấp.

**Câu 59**. Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay có:

**a.**4 thành phố trực thuộc trung ương                                                **b.**5 thành phố trực thuộc trung ương

**c.**6 thành phố trực thuộc trung ương                                               **d.**7 thành phố trực thuộc trung ương

**Câu 60**. Số lượng các tỉnh hiện nay của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

**a.**55                                                                              **b.**56

**c.**57                                                                              **d.**58

**Câu 61**. Quyền lực và tổ chức thực hiện quyền lực trong xã hội CXNT:

**a.**Tách khỏi xã hội, đứng trên xã hội để cai trị và quản lý xã hội.

**b.**Hòa nhập vào xã hội, thuộc về tất cả các thành viên trong xã hội.

**c.**Thực hiện sự cưỡng chế đối với những thành viên không tuân thủ những quy tắc của cộng đồng.

**d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 62**. Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội thuộc:

**a.**Cơ sở hạ tầng                                                          **b.**Kiến trúc thượng tầng

**c.**Quan hệ sản xuất                                                           **d.**Lực lượng sản xuất

**Câu 63**. Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, Chủ tịch Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Do nhân dân bầu ra                                                                 **b.**Do Quốc hội bầu ra

**c.**Do Chủ tịch nước chỉ định                                                      **d.**Do ĐCS bầu ra

**Câu 64**. Nguyên tắc: “ĐCS Việt Nam lãnh đạo nhà nước và xã hội” được quy trong bản hiến pháp nào của nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Hiến pháp 2013                                                                  **b.**Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 1980

**c.**Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1959                **d.**Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1946

**Câu 65**. Trong lịch sử, các kiểu nhà nước nào không có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:

**a.**Nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản.                                           **b.**Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến.

**c.**Nhà nước phong kiến, nhà nước XHCN.                                         **d.**Nhà nước tư sản, Nhà nước XHCN

**Câu 66**. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

**a.**Nga                                                                               **b.**Ấn Độ

**c.**Trung Quốc                                                                    **d.**Cả a, b và c

**Câu 67**. Nhà nước Đức có hình thức cấu trúc:

**a.**Nhà nước liên bang                                                      **b.**Nhà nước đơn nhất

**c.**Nhà nước liên minh                                                     **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 68**. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

**a.**Italia                                                                             **b.**Philippin

**c.**Xingapo                                                                            **d.**Bồ Đào Nha

**Câu 69**. Nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

**a.**Pháp                                                                                      **b.**Anh

**c.**Tây Ban Nha                                                                  **d.**Hà Lan

**Câu 70**. Nhà nước phong kiến Việt Nam giai đoạn 1802 – 1945 (Triều đình Nhà Nguyễn) là nhà nước có hình thức chính thể:

**a.**Nhà nước cộng hòa                                                                         **b.**Nhà nước quân chủ hạn chế

**c.**Nhà nước quân chủ tuyệt đối                                                           **d.**Nhà nước cộng hòa quý tộc

**Câu 71**. Nhà nước cộng hòa là nhà nước:

**a.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một tập thể và được hình thành theo phương thức thừa kế.

**b.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về người đứng đầu nhà nước và được hình thành do bầu cử.

**c.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể được bầu ra trong thời hạn nhất định.

**d.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một người do truyền ngôi và một cơ quan tập thể được hình thành do bầu cử trong một thời hạn nhất định.

**Câu 72**. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Bộ pháp luật                                                                    **b.**Bộ nông nghiệp

**c.**Bộ tài nguyên                                                                **d.**Cả a, b và c

**Câu 73**. Tên gọi nào là tên gọi Bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN VN hiện nay:

**a.**Bộ thương binh và xã hội                                                                         **b.**Bộ thanh, thiếu niên và nhi đồng

**c.**Bộ văn hóa, thể thao và du lịch                                                        **d.**Bộ hợp tác quốc tế

**Câu 74**. Cùng với sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của nhà nước, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước:

**a.**Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm trong một kiểu nhà nước nhất định.

**b.**Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**c.**Luôn luôn có sự thay đổi, phát triển qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**d.**Chỉ có sự thay đổi, phát triển trong một kiểu nhà nước nhất định.

**Câu 75**. Phương pháp cai trị phản dân chủ trong chế độ chính trị tồn tại trong:

**a.**Kiểu nhà nước chủ nô                                                                    **b.**Kiểu nhà nước phong kiến

**c.**Kiểu nhà nước tư sản                                                                **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 76**. Bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay có bao nhiêu bộ:

**a.**16 Bộ                                                                                      **b.**17 Bộ

**c.**18 Bộ                                                                          **d.**19 Bộ

**Câu 77**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam, cơ quan nào sau đây có quyền lập hiến và lập pháp:

**a.**Chủ tịch nước                                                                **b.**Quốc hội

**c.**Chính phủ                                                                **d.**Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

**Câu 78**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Bản chất của nhà nước sẽ quyết định chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

**b.**Nhiệm vụ cơ bản của nhà nước là cơ sở để xác định số lượng, nội dung, hình thức thực hiện các chức năng của nhà nước.

**c.**Chức năng nhà nước là phương tiện thực hiện nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

**d.**Cả a, b và c

**Câu 79**. Ban chấp hành trung ương ĐCS Việt Nam hiện tại là Ban chấp hành khóa mấy:

**a.**Khóa 11                                                                               **b.**Khóa 12

**c.**Khóa 13                                                                          **d.**Khóa 14

**Câu 80**. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của bộ máy hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Ủy ban thể dục, thể thao                                                                 **b.**Ủy ban dân số gia đình và trẻ em

**c.**Văn phòng chính phủ                                                                  **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 81**. Cơ quan nào là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXNCN Việt Nam:

**a.**Chủ tịch nước                                                              **b.**Chính phủ

**c.**Quốc hội                                                                **d.**Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

**Câu 82**. Cùng với sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của nhà nước, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước:

**a.**Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm trong một kiểu nhà nước nhất định.

**b.**Không bao giờ thay đổi, không bao giờ mất đi cũng không bao giờ phát triển thêm qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**c.**Luôn luôn có sự thay đổi, phát triển qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**d.**Chỉ có sự thay đổi, phát triển trong một kiểu nhà nước nhất định.

**Câu 83**. Các phương thức ra đời của nhà nước tư sản:

**a.**Bằng cách mạng tư sản.

**b.**Bằng cách mạng tư sản; bằng thỏa hiệp với giai cấp phong kiến.

**c.**Bằng cách mạng tư sản; bằng thỏa hiệp với giai cấp phong kiến; bằng sự hình thành các nhà nước tư sản vốn là thuộc địa của các nước châu Âu.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 84**. Phát biểu nào là không đúng với tinh thần của Hiến pháp Việt Nam:

**a.**Tòa án nhân dân bảo đảm cho công dân thuộc các dân tộc quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Tòa án.

**b.**Công dân thuộc các dân tộc thiểu số phải sử dụng tiếng nói và chữ viết là tiếng Việt trước Tòa án.

**c.**Công dân thuộc các dân tộc khác nhau có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình hoặc tiếng Việt trước Tòa án.

**d.**Cả a và c đều đúng

**Câu 85**. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội:

**a.**Cùng phát sinh, phát triển, cùng tồn tại và tiêu vong.

**b.**Luôn luôn phát sinh, phát triển và tồn tại cùng với xã hội loài người

**c.**Nhà nước có thể bị tiêu vong còn pháp luật thì tồn tại mãi mãi

**d.**Pháp luật có thể bị mất đi còn nhà nước thì cùng tồn tại với xã hội loài người

**Câu 86**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Bộ máy nhà nước là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương.

**b.**Bộ máy nhà nước là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương, Đảng Cộng sản, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 87**. Chế định “Quyền tự do dân chủ của công dân” và nguyên tắc “Tự do hợp đồng” lần đầu tiên được nhà nước nào tuyên bố:

**a.**Nhà nước chủ nô                                                                  **b.**Nhà nước phong kiến

**c.**Nhà nước tư sản                                                                                 **d.**Nhà nước XHCN

**Câu 88**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Hệ thống chính trị (hệ thống chuyên chính giai cấp) là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương.

**b.**Hệ thống chính trị (hệ thống chuyên chính giai cấp) là hệ thống các CQNN từ trung ương đến địa phương, Đảng Cộng sản, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 89**. Đâu là đặc điểm của nhà nước đơn nhất:

**a.**Có chủ quyền chung, các bộ phận hợp thành các đơn vị hành chính lãnh thổ không có chủ quyền riêng.                                             **b.**Có một hệ thống CQNN từ trung ương đến địa phương

**c.**Có một HTPL thống nhất; công dân có một quốc tịch

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 90**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Chế độ cộng sản chủ nghĩa là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử

**b.**Nhà nước XHCN là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 91**. Cơ sở kinh tế của nhà nước phong kiến là:

**a.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

**b.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

**c.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

**d.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

**Câu 92**. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước XHCN, bao gồm:

**a.**Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.

**b.**Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân

**c.**Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức…

**d.**Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

**Câu 93**. Thẩm quyền cho phép gia nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch, tước quốc tịch Việt Nam:                 **a.**Chủ tịch nước                                                                                **b.**Chủ tịch UBND tỉnh

**c.**Chủ tịch UBND huyện                                                                  **d.**Chủ tịch UBND xã

**Câu 94**: Cơ quan lập pháp của các nước trên thế giới:

**a.**Chỉ có cơ cấu một viện                                                                        **b.**Có cơ cấu hai viện

**c.**Có thể có cơ cấu một viện hoặc hai viện                                              **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 95**. Nhóm thành phố nào sau đây có cùng cấp hành chính với nhau:

**a.**Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hà Nội, Đà Nẵng

**b.**Cần Thơ, Hải Phòng, Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Nẵng

**c.**Nha Trang, Vinh, Huế, Đà Lạt, Biên Hòa

**d.**Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng

**Câu 96**. Cơ quan nào là CQNN:

**a.**Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam.                                                        **b.**Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

**c.**Hội cựu chiến binh Việt Nam.                                                           **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 97**. Các đặc trưng, dấu hiệu cơ bản của nhà nước:

**a.**Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; có chủ quyền quốc gia; quyền ban hành pháp luật; thực hiện các hoạt động kinh tế.

**b.**Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ; có chủ quyền quốc gia; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

**c.**Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; có chủ quyền quốc gi**a.**

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 98**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Xã hội CXNT là xã hội không cần tới quyền lực, hệ thống tổ chức quyền lực và các quy tắc quản lý.

**b.**Xã hội CXNT là xã hội không cần tới quyền lực, hệ thống tổ chức quyền lực, nhưng đã có các quy tắc để quản lý xã hội.

**c.**Xã hội CXNT là xã hội có hệ thống tổ chức và cơ chế thực hiện quyền lực, nhưng chưa cần tới các quy tắc để quản lý xã hội.

**d.**Xã hội CXNT là xã hội đã có hệ thống tổ chức và cơ chế thực hiện quyền lực cũng như đã có các quy tắc để quản lý xã hội.

**Câu 99**. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

**a.**Mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế

**b.**Mang tính bắt buộc và mang tính cưỡng chế

**c.**Không mang tính bắt buộc và không mang tính cưỡng chế

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 100**. Nhà nước nào sau đây không phải là nhà nước XHCN:

**a.**Cuba                                                                            **b.**Trung Quốc

**c.**Lào                                                                              **d.**Nga

**Câu 101**. Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, người được bầu vào chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, có nhiệm kỳ:

**a.**3 năm                                                                           **b.**4 năm

**c.**5 năm                                                                           **d.**6 năm

**Câu 102.** Đặc trưng cơ bản nhất của nhà nước:

**a.**Một dân tộc                                                                      **b.**Lãnh thổ độc lập

**c.**Có chủ quyền quốc gia                                                **d.**Một HTPL

**Câu 103**. Kiểu nhà nước nào tồn tại hai giai đoạn lịch sử phát triển của tổ chức bộ máy nhà nước là phân quyền cát cứ và trung ương tập quyền:

**a.**Nhà nước XHCN                                                         **b.**Nhà nước tư sản

**c.**Nhà nước phong kiến                                                    **d.**NN chủ nô

**Câu 104**. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

**a.**Australia                                                                    **b.**Pháp

**c.**Mianma (Miến Điện)                                                       **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 105**. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

**a.**Xingapo                                                                               **b.**Philippin

**c.**Indonesia                                                                     **d.**Cả b và c

**Câu 106**. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

**a.**Ả rập Xê út                                                                  **b.**Cô-oét

**c.**Xê-ri                                                                            **d.**Gióc-đa-ni

**Câu 107**. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

**a.**Thái Lan                                                                              **b.**Brunay

**c.**Campuchia                                                                   **d.**Indonesia

**Câu 108**. Nhà nước nào sau đây có chính thể quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị, quân chủ lập hiến):

**a.**Phần Lan                                                                             **b.**Italia

**c.**Nauy                                                                            **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 109**. Nhà nước cộng hòa dân chủ là nhà nước:

**a.**Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một tập thể và được bầu cử suốt đời.

**b.**Pháp luật quy định quyền bầu cử cho công dân để thành lập cơ quan quyền lực nhà nước tối cao có nhiệm kỳ trong thời hạn nhất định.

**d.**Cả a và c đều đúng

**c.**Quyền lực nhà nước tối cao chỉ thuộc về một cá nhân và được hình thành bằng phương thức bầu cử.

**Câu 110**. Tên gọi nào là tên gọi Bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN VN hiện nay:

**a.**Bộ bưu chính viễn thông                                                                 **b.**Bộ nông nghiệp

**c.**Bộ tài nguyên và môi trường                                                           **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 111**. Theo quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, muốn tham gia bầu cử, ngoài các điều kiện khác, về độ tuổi được quy định:

**a.**Từ đủ 18 tuổi

**b.**Từ đủ 21 tuổi

**c.**Không quy định độ tuổi chung mà quy định theo các dân tộc khác nhau

**d.**Không quy định về độ tuổi cụ thể mà quy định theo giới tính

**Câu 112**. Phương pháp cai trị dân chủ trong chế độ chính trị tồn tại trong:

**a.**Kiểu nhà nước XHCN; Kiểu nhà nước tư sản                             **b.**Kiểu nhà nước phong kiến

**c.**Kiểu nhà nước chủ nô                                                                           **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 113**. Ở Nhà nước CHXHCN Việt Nam, hiện tại là Quốc hội khóa:

**a.**Khóa 11                                                                            **b.**Khóa 12

**c.**Khóa 13                                                                      **d.**Khóa 14

**Câu 114**. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội, tương ứng với mấy kiểu nhà nước:

**a.**3 kiểu nhà nước                                                                **b.**4 kiểu nhà nước

**c.**5 kiểu nhà nước                                                              **d.**6 kiểu nhà nước

**Câu 115**. Để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hay miễn nhiệm đại biểu Quốc hội, kéo dài hay rút ngắn nhiệm kỳ của Quốc hội cần phải có tỉ lệ bao nhiêu phần trăm đại biểu Quốc hội có mặt biểu quyết thông qua:

**a.**Trên 30% số đại biểu có mặt                                                       **b.**Trên 50% số đại biểu có mặt

**c.**Trên hai phần ba số đại biểu có mặt                                             **d.**Trên 90% số đại biểu có mặt

**Câu 116**. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

**a.**Cơ quan, nhân viên nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

**b.**Cơ quan, nhân viên nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 117**. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

**a.**Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

**b.**Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 118**. Cơ quan hành chính có tên gọi là “Sở” là CQNN thuộc cấp nào:

**a.**Cấp trung ương                                                                  **b.**Cấp tỉnh

**c.**Cấp huyện                                                                         **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 119**. Cơ quan nào **không phải** là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Ngân hàng nhà nước                                                              **b.**Thanh tra chính phủ

**c.**Ủy ban thể dục và thể thao                                                             **d.**Văn phòng chính phủ

**Câu 120**. Các tòa án chuyên trách của hệ thống Tòa án nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động.

**b.**Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, toà gia đình và người chưa thành niên

**c.**Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, tòa hôn nhân gia đình.

**d.**Tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa lao động, tòa kinh tế, hôn nhân gia đình, tòa hiến pháp

**Câu 121**. Tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam không tuân theo nguyên tắc nào:

**a.**Tập trung dân chủ; Pháp chế XHCN; Đảm bảo sự lãnh đạo của ĐCS

**b.**Quyền lực nhà nước là thống nhất những có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

**c.**Tam quyền phân lập (các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp độc lập, chế ước, cân băng, kiềm chế, đối trọng lẫn nhau).

**d.**Đảm bảo sự tham gia đông đảo của nhân dân vào tổ chức và hoạt động của nhà nước.

**Câu 122**. Trong nhà nước pháp quyền, mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật:

**a.**Nhà nước ban hành pháp luật nên nhà nước đứng trên pháp luật và pháp luật phải phục tùng nhà nước.

**b.**Việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cũng như các viên chức nhà nước đều phải dựa trên cơ sở và tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật.

**c.**Cả a và b đều đúng.

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 123**. Kiểu NN nào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc “Tam quyền phân lập”:

**a.**Nhà nước XHCN                                                            **b.**Nhà nước tư sản

**c.**Nhà nước phong kiến                                                   **d.**Nhà nước chủ nô

**Câu 124**. Chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân có nghĩa là:

**a.**Xét xử các vụ án

**b.**Điều tra các vụ án

**c.**Kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động bảo vệ pháp luật

**d.**Buộc tội (truy tố) người đã bị khởi tố trước tòa án

**Câu 125**. Chức năng của nhà nước:

**a.**Lập hiến và lập pháp

**b.**Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động tư pháp

**c.**Xét xử

**d.**Cả a, b và c

**Câu 126**. Đâu là đặc điểm của nhà nước liên bang:

**a.**Có chủ quyền chung đồng thời mỗi nhà nước thành viên có chủ quyền riêng

**b.**Có hai hệ thống CQNN; Có hai HTPL

**c.**Công dân có hai quốc tịch

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 127**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Tất cả các quyết định có nội dung bảo vệ pháp luật của cơ quan công an phải được Viện kiểm sát phê chuẩn.

**b.**Tất cả các quyết định có nội dung bảo vệ pháp luật của cơ quan công an phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành.

**c.**Tất cả các quyết định có nội dung bảo vệ pháp luật của cơ quan công an có thể chưa cần phải được Viện kiểm sát phê chuẩn khi đem ra thi hành.

**d.**Cả a, b và c

**Câu 128**. Cơ sở kinh tế của nhà nước tư sản là:

**a.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

**b.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

**c.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

**d.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

**Câu 129**. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước chủ nô, bao gồm:

**a.**Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.

**b.**Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân

**c.**Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức…

**d.**Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

**Câu 130**. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của một kiểu nhà nước nhất định:

**a.**Tiền đề kinh tế                                                         **b.**Tiền đề xã hội

**c.**Về tư tưởng và chính trị                                                **d.**Cả a và b đều đúng

**Câu 131**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Nhà nước liên bang luôn luôn có hai viện lập pháp                   **b.**Nhà nước đơn nhất chỉ có một viện lập pháp

**c.**Cả a và b đều đúng                                                         **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 132**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**NN liên bang có thể chỉ có một viện lập pháp                         **b.**NN đơn nhất có thể có hai viện lập pháp

**c.**Cả a và b đều đúng                                                        **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 133**. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

**a.**Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

**b.**Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

**c.**Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những VPPL.

**d.**Cả a, b và c

**Câu 134**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Sự xuất hiện giai cấp làm xuất hiện chế độ tư hữu                        **c.**Cả a và b đều đúng

**b.**Sự xuất hiện của chế độ tư hữu làm xuất hiện các giai cấp           **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 135**. Nhận định nào sau đây là đúng

**a.**Của cải dư thừa là điều kiện làm xuất hiện chế độ tư hữu

**b.**Xuất hiện chế độ tư hữu mới làm cho của cải dư thừa

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 136**. Thành phố nào sâu đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:

**a.**Thành phố Đà Nẵng                                                                     **b.**Thành phố Hải Phòng

**c.**Thành phố Nha Trang                                                                        **d.**Thành phố Cần Thơ

**Câu 137**. Cơ quan nào là CQNN:

**a.**Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.                                       **b.**Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

**c.**Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.                                **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 138**. Bản chất của nhà nước là:

**a.**Đảm bảo lợi ích cho các giai cấp, tầng lớp trong xã hội

**b.**Đại diện và bảo vệ lợi ích cho giai cấp thống trị

**c.**Điều hòa lợi ích cho các giai cấp, tầng lớp trong xã hội

**d.**Nhà nước của mọi giai tầng trong xã hội

**Câu 139**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Xã hội CXNT chưa có nhà nước và do đó không có quyền lực và tổ chức quyền lực.

**b.**Xã hội CXNT đã có nhà nước, có quyền lực và tổ chức quyền lực.

**c.**Xã hội CXNT chưa có nhà nước nhưng đã có quyền lực và tổ chức quyền lực.

**d.**Xã hội CXNT đã có nhà nước nhưng chưa có quyền lực và tổ chức quyền lực.

**Câu 140**. Cấp chính quyền nào sau đây không phải là cấp chính quyền địa phương:

**a.**Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

**b.**Huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

**c.**Xã, phường, thị trấn

**d.**Buôn, làng, bản, phum, sóc, thôn, mường, ấp

**Câu 141**. Nước nào sau đây không phải là nhà nước XHCN:

**a.**Nga                                                                            **b.**Lào

**c.**Cuba                                                                               **d.**Triều Tiên

**Câu 142**. Theo quy định của Hiến pháp 2013 của nước CHXHCN Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước có nhiệm kỳ:

**a.**3 năm                                                                              **b.**4 năm

**c.**5 năm                                                                               **d.**6 năm

**Câu 143**. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

**a.**Italia                                                                     **b.**Miến Điện, Mêhicô

**c.**Thụy Sĩ, Malaisia                                                             **d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 144**. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước liên bang:

**a.**Canada                                                                                  **b.**Anh

**c.**Pháp                                                                              **d.**Trung Quốc

**Câu 145**. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

**a.**Đức                                                                                     **b.**Hoa Kỳ

**c.**Thụy Sĩ                                                                           **d.**Thụy Điển

**Câu 146**. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

**a.**Nga                                                                                 **b.**Mỹ

**c.**Philippin                                                                      **d.**b và c đúng

**Câu 147**. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

**a.**Đan Mạch                                                                       **b.**Bồ Đào Nha

**c.**Hà Lan                                                                         **d.**Thụy Điển

**Câu 148**. Nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:

**a.**Đức                                                                                 **b.**Hoa Kỳ

**c.**Nga                                                                                  **d.** Cả a và c đúng

**Câu 149**. Nhà nước nào sau đây là nhà nước có chính thể quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị):

**a.**Phần Lan                                                                              **b.**Thụy Sĩ

**c.**Thụy Điển                                                                     **d.**Áo

**Câu 150**. Nhà nước cộng hòa quý tộc là nhà nước:

**a.**Quyền lực NN tối cao thuộc về giới quý tộc và được hình thành theo phương thức thừa kế.

**b.**Quyền lực NN tối cao vừa được hình thành do bầu cử, vừa được hình thành theo phương thức thừa kế.

**c.**Quyền bầu cử chỉ dành riêng cho giới quý tộc, do pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 151**. Tên gọi nào là tên gọi Bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp                                         **b.**Bộ tài nguyên và môi trường

**c.**Bộ thống kê                                                                                      **d.**Bộ đầu tư

**Câu 152**. Kiểu nhà nước nào sử dụng phương pháp cưỡng chế để cai trị và quản lý xã hội:

**a.**Nhà nước chủ nô

**b.**Nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến

**c.**Nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

**d.**Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

**Câu 153**. Nhiệm vụ của nhà nước:

**a.**Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**b.**Xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

**c.**Điện khí hóa toàn quốc.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 154**. Chế độ sở hữu đất đai của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

**a.**Chế độ sở hữu tư nhân

**b.**Chế độ sở hữu toàn dân

**c.**Chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tập thể

**d.**Chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tư nhân

**Câu 155**. Chế độ sở hữu đất đai của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

**a.**Chế độ sở hữu tư nhân                                                             **b.**Chế độ sở hữu toàn dân

**c.**Chế độ sở hữu tập thể                                                               **c.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 156**. Các phương thức ra đời của nhà nước tư sản:

**a.**Bằng cách mạng tư sản.

**b.**Bằng thỏa hiệp với giai cấp phong kiến.

**c.**Bằng sự hình thành các nhà nước tư sản vốn là thuộc địa của các nước châu Âu.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 157**. Trong quá trình hình thành và phát triển:

**a.**Quốc gia nào cũng phải trải qua bốn kiểu nhà nước.

**b.**Mỗi quốc gia chỉ phải trải qua ba kiểu nhà nước.

**c.**Tùy theo hoàn cảnh lịch sử của mình mà mỗi quốc gia không nhất thiết phải trải qua tất cả các kiểu NN.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 158**. Sự xuất hiện của nhà nước cổ đại nào sau đây là do mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được:

**a.**Nhà nước Giéc – manh                                                              **b.**Nhà nước Rôma

**c.**Nhà nước phương Đông                                                           **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 159**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 2013, hệ thống tòa án nhân dân được chia thành mấy cấp:

**a.**2 cấp                                                                              **b.**3 cấp

**c.**4 cấp                                                                             **d.**5 cấp

**Câu 160**. Nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Tam quyền phân lập

**b.**Tập trung dân chủ

**c.**Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 161**. Hệ thống tòa án của nước CHXHCN Việt Nam có bao nhiêu tòa chuyên trách:

**a.**5 tòa chuyên trách                                                                        **b.**6 tòa chuyên trách

**c.**7 tòa chuyên trách                                                                              **d.**8 tòa chuyên trách

**Câu 162**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Hình thức nhà nước phản ánh cách thức tổ chức quyền lực nhà nước.

**b.**Hình thức nhà nước là các phương pháp, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 163**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**b.**Chế độ chính trị phản ánh cách thức tổ chức quyền lực nhà nước.

**a.**Chế độ chính trị là các phương pháp, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 164**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 2013, Hội đồng nhân dân có mấy cấp:

**a.**2 cấp                                                                                    **b.**3 cấp

**c.**4 cấp                                                                            **d.**5 cấp

**Câu 165**. Các thuộc tính, dấu hiệu, đặc trưng của CQNN:

**a.**Là bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, nhưng có tính độc lập tương đối về cơ cấu tổ chức, bao gồm một nhóm công chức được nhà nước giao cho những quyền hạn và nghĩa vụ nhất định.

**b.**Quyền ban hành VBPL mang tính bắt buộc thi hành đối với cá nhân, tổ chức, CQNN có liên quan.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 166**. Các thuộc tính, dấu hiệu, đặc trưng không phải là của CQNN:

**a.**Là bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, nhưng có tính độc lập tương đối về cơ cấu tổ chức, bao gồm một nhóm công chức được nhà nước giao cho những quyền hạn và nghĩa vụ nhất định.

**b.**Mang tính quyền lực nhà nước thể hiện ở thẩm quyền được nhà nước trao.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 167**. Giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của:

**a.**Toà án nhân dân cấp huyện                                                                   **b.**Toà án nhân dân cấp tỉnh

**c.**Cả toà án nhân dân cấp huyện và toà án nhân dân cấp tỉnh                  **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 168**. Cơ sở kinh tế của nhà nước XHCN là:

**a.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

**b.**Chế độ sở hữu của giai cấp thống trị đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất.

**c.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

**d.**Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

**Câu 169**. Cơ sở kinh tế, cơ cấu xã hội của chế độ cộng sản nguyên thuỷ:

**a.**Cơ sở kinh tế là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động.

**b.**Cơ cấu xã hội là một tổ chức tự quản với hệ thống quản lý là Hội đồng thị tộc và tù trưởng.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 170**. Cơ sở kinh tế, cơ cấu xã hội của chế độ cộng sản nguyên thuỷ:

**a.**Cơ sở kinh tế là một tổ chức tự quản với hệ thống quản lý là Hội đồng thị tộc và tù trưởng.

**b.**Cơ cấu xã hội là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 171**. Khái niệm nào sau đây được dùng để chỉ cơ quan hành chính nhà nước cao nhất:

**a.**Chính phủ                                                                  **b.**Hội đồng bộ trưởng

**c.**Cả a và b đều đúng                                                          **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 172**. Khái niệm nào sau đây được dùng để chỉ cơ quan hành chính nhà nước cao nhất:

**a.**Hội đồng chính phủ                                                           **b.**Nội các

**c.**Cả a và b đều đúng                                                          **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 173**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Hạ viện là cơ quan lập pháp đại diện cho toàn liên bang

**b.**Hạ viện là cơ quan lập pháp đại diện cho các bang nơi các nghị sĩ được bầu ra

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 174**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Thượng viện là cơ quan lập pháp đại diện cho toàn liên bang

**b.**Thượng viện là cơ quan lập pháp đại diện cho các bang nơi các nghị sĩ được bầu ra

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 175**. Ở xã hội CXNT:

**a.**Chưa xuất hiện chế độ tư hữu, chưa xuất hiện giai cấp nên nhà nước chưa xuất hiện.

**b.**Xuất hiện chế độ công hữu, xuất hiện các giai cấp khác nhau nhưng nhà nước chưa xuất hiện.

**c.**Xuất hiện chế độ tư hữu, chưa xuất hiện giai cấp, nhà nước chưa xuất hiện.

**d.**Chưa xuất hiện chế độ công hữu, chưa xuất hiện giai cấp, nhà nước chưa xuất hiện.

**Câu 176**. Thành phố nào sâu đây là thành phố trực thuộc trung ương:

**a.**Thành phố Đà Nẵng                                                                     **b.**Thành phố Cần Thơ

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                     **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 177**. Cơ quan nào là CQNN:

**a.**Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.                                                 **b.**Hội đồng nhân dân TP.HCM.

**c.**Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.                             **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 178**. Mục đích tồn tại của nhà nước là:

**a.**Bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị                                               **b.**Duy trì trật tự và quản lý xã hội

**c.**Sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác                        **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 179**. Các đặc trưng, dấu hiệu cơ bản của nhà nước:

**a.**Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ.

**b.**Kiểm tra, giám sát các đối tượng bị quản lý; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

**c.**Đề ra các quy tắc quản lý; thực hiện các hoạt động kinh tế.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 180**. Các đặc trưng, dấu hiệu cơ bản của nhà nước:

**a.**Kiểm tra, giám sát các đối tượng bị quản lý; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

**b.**Có chủ quyền quốc gia; ban hành pháp luật; quy định các loại thuế.

**c.**Đề ra các quy tắc quản lý; thực hiện các hoạt động kinh tế.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 181**. Quyền lực nhà nước trong xã hội có giai cấp:

**a.**Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

**b.**Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.

**c.**Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

**d.**Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.

**Câu 182**. Thuyết “Khế ước xã hội” giải thích về nguồn gốc của sự xuất hiện NN, xuất hiện vào thời kỳ nào:

**a.**Xã hội CXNT                                                                      **b.**Chiếm hữu nô lệ

**c.**Phong kiến                                                               **d.**Cách mạng tư sản

**Câu 183**. Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, người được bầu vào chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, có thể được làm tối đa mấy nhiệm kỳ:

**a.**1 nhiệm kỳ                                                                     **b.**2 nhiệm kỳ

**c.**3 nhiệm kỳ                                                                    **d.**Không giới hạn nhiệm kỳ

**Câu 184**. Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Do Chủ tịch nước giới thiệu                                                  **b.**Do QH bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước

**c.**Do nhân dân bầu ra                                                                **d.**Do ĐCS bầu ra

**Câu 185**. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là phao:

**a.**Mianma (Miến Điện)                                                       **b.**Philippin

**c.**Thái Lan                                                                        **d.**Indonesia

**Câu 186**. Kiểu nhà nước nào có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:

**a.**Nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước XHCN

**b.**Nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước XHCN.

**c.**Nhà nước tư sản, nhà nước XHCN

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 187**. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

**a.**Achentina                                                                        **b.**Braxin

**c.**Italia                                                                            **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 188**. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

**a.**Hoa Kỳ                                                                                    **b.**Nga

**c.**Ucraina                                                                     **d.**Cả a, b và c đúng.

**Câu 189**. Nước nào sau đây có chính thể quân chủ:

**a.**Ba Lan                                                                               **b.**Hi Lạp

**c.**Cả a và b đúng                                                                **d.**Cả a và b sai

**Câu 190**. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa tổng thống:

**a.**Ixrael                                                                                 **b.**Thổ Nhĩ Kỳ

**c.**Venezuela                                                                 **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 191**. Nhà nước nào sau đây là nhà nước có chính thể quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị):

**a.**Pháp                                                                             **b.**Bỉ

**c.**Anh                                                                               **d.**b, c đúng

**Câu 192**. Tên gọi nào không phải là tên gọi Bộ của bộ máy hành chính của NNCHXHCN Việt Nam:

**a.**Bộ du lịch                                                                                       **b.**Bộ thương nghiệp

**c.**Bộ thông tin                                                                                  **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 193**. Tên gọi nào không phải là tên gọi Bộ của bộ máy hành chính của NN Việt Nam hiện nay:

**a.**Bộ giáo dục và đào tạo                                                                  **b.**Bộ khoa học và công nghệ

**c.**Bộ thủy sản                                                                                   **d.**Bộ nội vụ

**Câu 194**. Theo quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, muốn tham gia ứng cử, ngoài các điều kiện khác, về độ tuổi được quy định:

**a.**Từ đủ 18 tuổi

**b.**Từ đủ 21 tuổi

**c.**Không quy định độ tuổi chung mà quy định theo các dân tộc khác nhau

**d.**Không quy định về độ tuổi cụ thể mà quy định theo giới tính

**Câu 195**. Theo quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, muốn tham gia ứng cử, ngoài các điều kiện khác, về độ tuổi được quy định:

**a.**Từ đủ 18 tuổi

**b.**Từ đủ 21 tuổi

**c.**Không quy định về độ tuổi cụ thể mà quy định theo giới tính

**d.**Không quy định độ tuổi chung mà quy định theo các vùng miền khác nhau

**Câu 196**. Kiểu nhà nước nào sử dụng phương pháp cưỡng chế để cai trị và quản lý xã hội:

**a.**Nhà nước chủ nô                                                                        **b.**Nhà nước phong kiến

**c.**Nhà nước tư sản                                                                                 **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 197**. Kiểu nhà nước nào sử dụng phương pháp cưỡng chế để cai trị và quản lý xã hội:

**a.**Nhà nước chủ nô                                                                        **b.**Nhà nước phong kiến

**c.**Nhà nước XHCN                                                                        **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 198**. Ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp tồn tại trong kiểu nhà nước nào:

**a.**Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản                                            **b.**Nhà nước phong kiến

**c.**Nhà nước chủ nô                                                                         **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 199**. Bản Hiến pháp đang có hiệu lực của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Hiến pháp 2013

**b.**Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 1980

**c.**Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1959

**d.**Hiến pháp 1992, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1946

**Câu 200**. Theo quy định Hiến pháp Việt Nam 2013, cơ quan nào sau đây có chức năng xét xử:

**a.**Chính phủ                                                                         **b.**Quốc hội

**c.**Tòa án nhân dân                                                            **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 201**. Ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp tồn tại trong kiểu nhà nước nào:

**a.**Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản.

**b.**Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến.

**c.**Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 202**. Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam không theo nguyên tắc:

**a.**Tam quyền phân lập

**b.**Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

**c.**Tập quyền nhưng có vận dụng những hạt nhân hợp lý của học thuyết “Tam quyền phân lập”.

d. Cả a, b và c đều đúng

**Câu 203**. Tổ chức và hoạt động của bộ máy NNCHXHCN Việt Nam không theo nguyên tắc nào:

**a.**Tập trung dân chủ

**b.**Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

**c.**Tập quyền nhưng có vận dụng những hạt nhân hợp lý của học thuyết “Tam quyền phân lập”.

**d.**Tam quyền phân lập

**Câu 204**. Cơ quan nào sau đây có chức năng quản lý hành chính:

**a.**Tòa án nhân dân                                                                            **b.**Viện kiểm sát nhân dân

**c.**UBND các cấp                                                                          **d.**Quốc hội

**Câu 205**. Đâu không phải là chức năng của nhà nước:

**a.**Lập hiến và lập pháp                                                                **b.**Quản lý các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội

**c.**Xét xử                                                                                       **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 206**. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Đài truyền hình Việt Nam                                                        **b.**Học viện chính trị - hành chính quốc gia HCM

**c.**Ủy ban dân tộc                                                                          **d.**Ban quản lý lăng Chủ tịch HCM

**Câu 207**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Hình thức chính thể là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.

**b.**Hình thức chính thể là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các CQNN ở trung ương với các CQNN ở địa phương.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 208**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Hình thức cấu trúc là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.

**b.**Hình thức cấu trúc là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các CQNN ở trung ương với các CQNN ở địa phương.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 209**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Ở các tỉnh khác nhau số lượng các đơn vị hành chính cấp sở là như nhau

**b.**Ở các tỉnh khác nhau tên gọi của các đơn vị hành chính cấp sở là hoàn toàn giống nhau

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 210**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Ở các tỉnh khác nhau số lượng các đơn vị hành chính cấp sở không hoàn toàn như nhau

**b.**Ở các tỉnh khác nhau tên gọi của các đơn vị hành chính cấp sở không hoàn toàn giống nhau

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 211**. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 2013, Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương:

**a.**Đại diện cho quyền lợi nhân dân địa phương nơi được bầu ra.

**b.**Đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước.

**c.**Đại diện cho quyền lợi của nhân dân cả nước và đại diện cho quyền lợi của nhân dân địa phương nơi được bầu ra.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 212**. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

**a.**Thể hiện ở tính nhân dân, là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

**b.**Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ; Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở.

**c.**Tổ chức và hoạt động của nhà nước trên cơ sở mối quan hệ bình đẳng giữa nhà nước và công dân.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 213**. Các hình thức ra đời của nhà nước XHCN:

**a.**Công xã Paris                                                                         **b.**Nhà nước dân chủ nhân dân

**c.**Nhà nước XHCN                                                                          **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 214**. Cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của nhà nước phong kiến, bao gồm:

**a.**Hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.

**b.**Kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính, ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân

**c.**Hai giai cấp chính là tư sản và vô sản, ngoài ra còn có giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, trí thức…

**d.**Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

**Câu 215**. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản:

**a.**Thời kỳ thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản đến năm 1871, đây là quá trình hình thành, củng cố nhà nước và các thiết chế tư sản.

**b.**Giai đoạn 1871 – 1917: chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 216**. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản:

**a.**Giai đoạn từ 1917 - 1945 là giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng của chủ nghĩa tư bản.

**b.**Giai đoạn từ 1945 đến nay, là giai đoạn phục hồi và cũng cố sự phát triển của nhà nước tư sản.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 217**. Nguyên nhân cốt lõi của sự ra đời nhà nước là:

a. Kết quả của 03 lần phân công lao động trong lịch sử.

b. Kết quả của nền sản xuất hàng hoá cùng những hoạt động thương nghiệp.

c. Nhu cầu về sự cần thiết phải có một tổ chức để dập tắt xung đột giai cấp.

d. Nhu cầu về sự cần thiết phải có một tổ chức thay thế thị tộc - bộ lạc.

**Câu 218**. Tính giai cấp của nhà nước thể hiện ở chỗ:

a. Nhà nước là một bộ máy trấn áp giai cấp

b. Nhà nước là một bộ máy của giai cấp này thống trị giai cấp khác

c. Nhà nước ra đời là sản phẩm của xã hội có giai cấp

d. Cả a, b và c

**Câu 219**. Chủ quyền quốc gia là:

a. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội

b. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối ngoại

c. Quyền ban hành văn bản pháp luật

d. Cả a, b và c

**Câu 220**. Chính sách nào sau đây thuộc về chức năng đối nội của nhà nước:

a. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.                                                b. Tương trợ tư pháp giữa các quốc gia.

c. Tăng cường các mặt hàng xuất khẩu công nghệ cao.                           d. Cả a, b và c

**Câu 221**. Lịch sử xã hội loài người đã tồn tại ...... kiểu nhà nước, bao gồm các kiểu nhà nước là .............

a. 4 - chủ nô - phong kiến - tư hữu – XHCN

b. 4 - chủ nô - phong kiến - tư sản – XHCN

c. 4 - chủ nô - chiếm hữu nô lệ - tư bản – XHCN

d. 4 - địa chủ - nông nô, phong kiến - tư bản –

XHCN

**Câu 222**. Nhà nước là:

a. Một tổ chức xã hội có giai cấp.                                               b. Một tổ chức xã hội có chủ quyền quốc gia.

c. Một tổ chức xã hội có luật lệ                                                   d. Cả a, b và c

**Câu 223**. Hình thức nhà nước là cách tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước và phương pháp thực hiện quyền

lực nhà nước. Hình thức nhà nước được thể hiện chủ yếu ở ............ khía cạnh; đó là ...................

a. 3 - hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ KT – XH

b. 3 - hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị

c. 3 - hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ KT – XH

d. 3 - hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị

**Câu 224**. Trong bộ máy nhà nước XHCN có sự:

a. Phân quyền                                                                   b. Phân công, phân nhiệm, kiểm soát lẫn nhau

c. Phân công lao động                                                     d. Tất cả đều đúng

**Câu 225**. Cơ quan thường trực của Quốc hội là:

a. Hội đồng dân tộc                                                                         b. Ủy ban Quốc hội

c. Ủy ban thường vụ Quốc hội                                                        d. Cả a, b và c đều đúng

**Câu 226**. Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam có quyền:

a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng                                      b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm CATANDTC

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm VTVKSNDTC                                d. Tất cả đều sai

**Câu 227**. Quyền nào sau đây của Chủ tịch nước là quyền trong lĩnh vực tư pháp:

a. Công bố luật, pháp lệnh                                                            b. Quyền đặc xá

c. Tuyên bố tình trạng chiến tranh                                                d. Thực hiện các chuyến công du ngoại giao

**Câu 228**. Quyền công tố trước tòa là:

a. Quyền truy tố cá nhân ra trước pháp luật                                  b. Quyền khiếu nại tố cáo của công dân

c. Quyền xác định tội phạm                                                           d. Cả a, b và c

**Câu 229**. Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua:

a. Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong từng thời kỳ

b. Tổ chức Đảng trong các CQNN

c. Đào tạo và giới thiệu những Đảng viên vào CQNN

d. Cả a, b và c

**Câu 230**. Hội thẩm khi tham gia xét xử, không có quyền:

a. Tham gia xét hỏi người tham gia tố tụng                                          c. Đề nghị mức án trước tòa

b. Tham gia bàn luận với thẩm phán về phương hướng xét xử            d. Nghị án

**Câu 231**. CQNN nào sau đây là cơ quan giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của NN ta:

a. Bộ Quốc phòng                                                                  b. Bộ Ngoại giao

c. Bộ Công an                                                                   d. Cả a, b và c

**Câu 232**. Quyền bình đẳng, quyền tự do tín ngưỡng là:

a. Quyền chính trị                                                                 b. Quyền tài sản

c. Quyền nhân thân                                                       d. Quyền đối nhân

**Câu 233**. Việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp phải có:

a. Ít nhất 1/2 tổng số đại biểu tán thành                                             b. Ít nhất 2/3 tổng số đại biểu tán thành

c. Ít nhất 3/4 tổng số đại biểu tán thành                                             d. Tất cả đều sai

**Câu 234**. Hệ thống chính trị ở Việt Nam gồm:

a. ĐCS - đoàn thanh niên - mặt trận tổ quốc                                      b. ĐCS - nhà nước - mặt trận tổ quốc

c. ĐCS - nhà nước - các đoàn thể chính trị, xã hội                           d. ĐCS và các đoàn thể chính trị, xã hội

**Câu 235**. Nhà nước là một bộ máy ...................... do ........................ lập ra để duy trì việc thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng đối với .........................

a. Quản lý - giai cấp thống trị - toàn xã hội

b. Quản lý - giai cấp thống trị - một bộ phận người trong xã hội

c. Quyền lực - giai cấp thống trị - một bộ phận người trong xã hội

d. Quyền lực - giai cấp thống trị - toàn xã hội

**Câu 236**. Nhà nước có mấy đặc trưng; đó là:

a. 2 - tính xã hội và tính giai cấp

b. 3 - quyền lực công cộng, chủ quyền quốc gia và đặt ra pháp luật

c. 4 - quyền lực công cộng, chủ quyền quốc gia, thu thuế và đặt ra pháp luật

d. 5 - quyền lực công cộng, chủ quyền quốc gia, thu thuế, đặt ra pháp luật và tính giai cấp

**Câu 237**. Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan:

a. Đại diện Quốc hội                                                                          b. Thường trực của Quốc Hội

c. Thư ký của Quốc hội                                                                      d. Cả a, b và c

**Câu 238**. Đâu không phải là vai trò của thuế là:

a. Điều tiết nền kinh tế                                                                    b. Hướng dẫn tiêu dùng

c. Nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước                                 d. Cả a, b và c đều sai

**Câu 239**. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất theo Hiến pháp 2013 là:

a.Chính phủ                                                                                          b. Quốc hội

c.Chủ tịch nước                                                                                    d. Toà án nhân dân tối cao

**Câu 240**. Quốc hội có quyền nào sau đây:

a. Truy tố cá nhân, tổ chức ra trước pháp luật                            b. Công bố luật, pháp lệnh

c. Ban hành các văn bản pháp luật                                                     d. Cả a, b và c đều đúng

**Câu 241**. Bộ và Cơ quan ngang Bộ là cơ quan thuộc nhóm:

**a.**Cơ quan hành chính nhà nước                                                       **b.**Cơ quan xét xu

**c.**Cơ quan quyền lực nhà nước                                                    **d.**Cơ quan kiểm sát

**Câu 242**. Từ “các cấp” trong khái niệm “Ủy ban nhân dân các cấp” là gồm:

**a.**1 cấp                                                                **b.**2 cấp

**c.**3 cấp                                                                **d.**4 cấp

**Câu 243**. Văn bản QPPL có tên gọi nào sau đây không do Quốc hội ban hành?

**a.**Nghị quyết                                                                **b.**Thông tư

**c.**Luật                                                                        **d.**Bộ luật

**Câu 244**. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn là:

**a.**Ủy ban Nhân dân cấp xã                                                **b.**Sở Tư pháp cấp Tỉnh

**c.**Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài                **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 245** Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, câu nào sau đây là đúng?

**a.**Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước trong nhân dân

**b.**Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước trong số các Đại biểu Quốc hội

**c.**Chủ tịch nước do Nhân dân trực tiếp bầu ra

**d.**Chủ tịch Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước trong số các Đại biểu Quốc hội

**Câu 246**. “Chính phủ, Ủy ban nhân dân, bộ, sở” là cơ quan nhà nước thuộc nhóm:

**a.**Cơ quan hành chính nhà nước                                        **b.**Cơ quan xét xử

**c.**Cơ quan quyền lực nhà nước                                        **d.**Cơ quan kiểm sát

**Câu 247**. Tên gọi nào sau đây không phải là tên gọi của cơ quan hành chính nhà nước của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam hiện nay:

**a.**Bộ pháp luật                                                                        **b.**Bộ nông nghiệp

**c.**Bộ công an                                                                 **d.**Cả a và b sai

**Câu 248**. Ở nước ta, pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc hoạt động hay xử sự của:

**a.**Các cơ quan trong bộ máy nhà nước                                **c.**Mọi công dân.

**b.**Các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng        **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 249.**Chức danh nào sau đây không bắt buộc phải là Đại biểu Quốc hội:

**a.**Bộ trưởng                                                                         **b.**Chủ tịch nước

**c.**Thủ tướng Chính phủ                                                     **d.**Chủ tịch QH

**Câu 250**. Bộ máy Nhà nước Cộng hoà XHCXN Việt Nam theo Hiến pháp gồm có mấy hệ thống cơ quan?

**a. 2                                                                         b. 3**

**c. 4                                                                         d. 5**

**Câu 251.** Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình thức cấu trúc nhà nước nào?

**a.**Nhà nước liên bang                                                        **b.**Nhà nước đơn nhất

**c.**Nhà nước "tự trị"                                                                  **d.**Nhà nước liên minh

**Câu 252.** Nguyên tắc pháp chế XHCN có nội dung cơ bản là:

**a.**Tôn trọng pháp luật XHCN                                                **b.**Thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật XHCN

**c.**Tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật                                                        **d.**Cả a, b, c đều đúng

**Câu 253.** Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước “kiểu mới” vì:

**a.**Khác với các Nhà nước trước đây                                               **b.**Là nhà nước “của dân, do dân, vì dân”

**c.**Là nhà nước không có quan hệ bóc lột                                    **d.**3 câu trên đều đúng

**Câu 254.** Số lượng đại biểu Quốc hội ở nước ta được ấn định theo Hiến pháp 2013 tối đa là bao nhiêu?

**a.**492                                                                         **b.**493

**c.**500                                                                        **d.**600

**Câu 255**. Bộ máy Nhà nước Việt Nam bao gồm:

**a.**Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước                                        **b.**Hệ thống cơ quan xét xử và kiểm sát

**c.**Hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước                                            **d.**Cả a, b, và c

**Câu 256.** Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền ban hành:

**a.**Hiến pháp                                                                         **b.**Nghị định

**c.**Pháp lệnh                                                                     **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 257.** Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là do ai bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức?

**a.**Chủ tịch nước theo đề nghị của CATANDTC                        **b.**Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao

**c.**Chủ tịch Quốc hội                                                                  **d.**Thủ tướng Chính phủ

**Câu 258.**Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan thuộc nhóm:

**a.**Cơ quan quyền lực nhà nước                                                **b.**Cơ quan xét xử

**c.**Cơ quan hành chính nhà nước                                                **d.**Cơ quan kiểm sát

**Câu 259**. Theo Hiến pháp 2013 của nước CHXHCNVN, vị trí của Quốc hội là:

**a.**Cơ quan duy nhất trong bộ máy nhà nước trực tiếp nhận và thực hiện quyền lực nhà nước do nhân dân cả nước trao cho thông qua chế độ bầu cử theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín

**b.**Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước về đối nội và đối ngoại

**c.**Cơ quan có vị trí pháp lý cao nhất trong quan hệ với các cơ quan khác

**d.**Tất cả đều đúng

**Câu 260**. Theo Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức Chính phủ, *Chính phủ* là:

**a.**Cơ quan chấp hành của Quốc hội

**b.**Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất cả nước

**c. Cả a, b và c** đều đúng

**d.**Cơ quan hành pháp cao nhất của nước ta

**Câu 261**. Cơ chế quyền lực nhà nước của bộ máy nhà nước ta theo Hiến pháp 2013 là:

**a.**Phân chia thành các nhánh quyền lực nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp)

**b.**Thống nhất các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

**c.**Có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

**d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 262.** Quốc hội là cơ quan thuộc nhóm:

**a.**Cơ quan quyền lực nhà nước                                        **b.**Cơ quan xét xử

**c.**Cơ quan hành chính nhà nước                                        **d.**Cơ quan kiểm sát

**Câu 263.**Chức năng công tố của Viện kiểm sát có nghĩa là:

**a.**Xét xử các vụ án                                                                      **c.**Truy tố người đã bị khởi tố trước tòa án

**b.**Điều tra các vụ án                                                                 **d.**Kiểm sát việc tuân theo PL các hoạt động bảo vệ PL

**Câu 264**. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước là gì?

**a.**Xã hội bị chia rẽ thành các giai cấp đối kháng

**b.**Kinh tế tự nhiên phát triển thành kinh tế sản xuất

**c.**Sự xuất hiện chế độ tư hữu và việc phân hoá thành các giai cấp

**d.**Tất cả đều đúng

**Câu 265.** Hình thức cấu trúc nhà nước là:

**a.**Cách thức tổ chức nhà nước theo đơn vị hành chính lãnh thổ

**b.**Cách thức xác lập mối quan hệ giữa các bộ phận, các cơ quan của Nhà nước

**c.**Là cách thức Cả a và b trên đây

**d.**Là hình thức khác với hình thức chính thể

**Câu 266**. Trong xã hội có giai cấp, giai cấp thống trị muốn bảo vệ lợi ích và duy trì được địa vị thống trị của mình thì giai cấp đó phải nắm được trong tay thứ quyền lực nào?

**a.**Quyền lực kinh tế                                                                  **b.**Quyền lực chính trị

**c.**Quyền lực tư tưởng                                                              **d.**Cả a, b và c

**Câu 267.** Hình thức chính thể của nước CHXHCN Việt Nam là hình thức chính thể:

**a.**Cộng hòa quý tộc                                                                     **b.**Cộng hòa dân chủ

**c.**Quân chủ tuyệt đối                                                    **d.**Quân chủ hạn chế

**Câu 268.** Bản chất của Nhà nước Việt Nam theo Hiến pháp hiện hành là:

**a.**Nhà nước pháp quyền XHCN                                                              **b.**Nhà nước của dân, do dân, vì dân

**c.**Nhà nước pháp quyền XHCN, của dân, do dân và vì dân                 **d.**Nhà nước “kiểu mới”

**Câu 269**. *Nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt*là một trong những đặc điểm của nhà nước dùng để phân biệt với các tổ chức khác trong xã hội. Điều này có nghĩa là:

**a.**Quyền này không còn hoà nhập với dân cư nữa

**b.**Quyền lực này bắt các giai cấp khác phải phục tùng theo ý chí của giai cấp thống trị

**c.**Quyền lực này thể hiện ý chí của giai cấp thống trị về kinh tế và chính trị

**d.**Tất cả đều đúng

**Câu 270.** Từ “các cấp” trong khái niệm Hội đồng Nhân dân các cấp là gồm:

**a.**1 cấp                                                                **b.**2 cấp

**c.**3 cấp                                                                **d.**4 cấp

**Câu 271.** Quốc hội là cơ quan có quyền lập hiến, lập pháp vì:

**a.**QH là cơ quan quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại 

**b.**QH là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nhà nước

**c.**QH là cơ quan giám sát tối cao

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 272.** Hình thức Nhà nước là:

**a.**Cách thức tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước

**b.**Khái niệm bao gồm 3 yếu tố hợp thành: Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cách thức biểu hiện ra bên ngoài của Nhà nước

**Câu 273**. Phân biệt Nhà nước với các tổ chức xã hội khác bằng:

**a.**Có các dấu hiệu về Nhà nước hay không                                                **b.**Có chủ quyền quốc gia hay không

**c.**Có thiết lập quyền lực công công đặc biệt hay không                        **d.**Chế độ tư hữu xuất hiện

**Câu 274.** Có nhiều quan điểm khác nhauvề nguồn gốc nhà nước:

**a.**Là sản phẩm của khế ước xã hội                                                     **b.**Là sản phẩm của Thượng đế

**c.**Là một hiện tượng của xã hội – lịch sử                                            **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 275.** Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có chủ quyền quốc gia khi nào?

**a.**Năm 1930                                                                       **b.**Năm 1945

**c.**Năm 1954                                                                       **d.**Năm 1975

**Câu 276.** Khi nghiên cứu về nguồn gốc của nhà nước và pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là sai?

**a.**Nhà nước và pháp luật cùng phát sinh, tồn tại trong xã hội có giai cấp

**b.**Nhà nước và pháp luật ra đời và tồn tại cùng với sự xuất hiện, tồn tại của lịch sử xã hội loài người

**c.**Nhà nước và pháp luật có cùng lịch sử ra đời, tồn tại, phát triển và tiêu vong

**d.**Nhà nước và pháp luật là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử

**Câu 277.** Nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện Nhà nước là:

**a.**Do có sự phân công lao động trong xã hội

**b.**Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội.

**c.**Do con người trong xã hội phải hợp sức lại để đắp đê, chống bão lụt, đào kênh làm thủy lợi hay chống giặc ngoại xâm.

**d.**Do ý chí của con người trong xã hội.

**Câu 278.** Bản chất giai cấp của nhà nước được thể hiện:

**a.**Nhà nước là công cụ sắc bén nhất để quản lý mọi mặt đời sống xã hội

**b.**Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác

**c.**Nhà nước là công cụ để bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 279**. Bản chất xã hội của nhà nước được thể hiện:

**a.**Nhà nước là công cụ sắc bén để duy trì sự thống trị giai cấp

**b.**Nhà nước là công cụ của đa số nhân dân lao động sử dụng để trấn áp lại thiểu số giai cấp bóc lột đã bị lật đổ cùng với bọn tội phạm phản động

**c.**Nhà nước là bộ máy nhằm bảo đảm trật tự an toàn xã hội và đảm đương các công việc chung của xã hội

**d.**Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay giai cấp cầm quyền

**Câu 280.** Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì:

**a.**Quốc hội có quyền ban hành tất cả các văn bản QPPL

**b.**Chính phủ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

**c.**Chính phủ là cơ quan chấp hành – điều hành

**d.**Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

**Câu 281.** Chủ tịch nước ta có quyền:

**a.**Quyết định mọi vấn đề quan trọng của đất nước

**b.**Thay mặt NN để quyết định mọi vấn đề đối nội và đối ngoại

**c.**Công bố Hiến pháp, luật và pháp lệnh

**d.**Lập hiến và lập pháp

**Câu 282.** Luật giáo dục do cơ quan nào sau đây ban hành?

**a.**Bộ GD&ĐT                                                                **b.**Quốc hội

**c.**Chính phủ                                                                **d.**Ủy ban thường vụ QH

**Câu 283.** Những chức danh nào sau đây bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội:

**a.**Phó Thủ tướng Chính phủ                                                                     **b.**Thủ tướng Chính phủ

**c.**Bộ trưởng**;**Chủ tịch UBND cấp tỉnh                                                  **d.**Tất cả đều đúng

**Câu 284**. Việc thực hiện pháp luật được đảm bảo bằng:

**a.**Đường lối, chính sách của Nhà nước                                 **b.**Cưỡng chế nhà nước

**c.**Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước                **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 285**. Hệ thống cơ quan xét xử bao gồm:

a. Tòa án nhân dân tối cao                                                             b. Tòa án nhân dân các cấp

c. Tòa án quân sự các cấp                                                               d. Cả a, b và c đều đúng

**Câu 286**. Phát biểu nào là không đúng về Hội đồng nhân dân:

a. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương                                   b. Do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra

c. Cơ quan chấp hành của Quốc hội                                                  d. Cả a và b đều đúng

**Câu 287**. Câu nào sau đây không đúng về Quốc hội:

a. Là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân

b. Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

c. Là cơ quan trong hệ thống cơ quan tư pháp

d. Là cơ quan giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của NN

**Câu 288**. Bản chất của Nhà nước là:

a. Tính giai cấp                                                             b. Tính xã hội

c. Tính dân tộc                                                             d. Cả a và b đúng

**Câu 289**. Trong những nhận định sau, nhận định nào không phải là đặc trưng của nhà nước:

a. Phân chia lãnh thổ theo đơn vị hành chính và quản lý dân cư theo lãnh thổ

b. Thiết lập trên cơ sở các giai cấp đối kháng trong xã hội

c. Có chủ quyền quốc gia

d. Ban hành pháp luật

CHƯƠNG II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

**Câu 1**. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua mấy kiểu pháp luật:

**a.**2 kiểu pháp luật                                                                    **b.**3 kiểu pháp luật

**c.**4 kiểu pháp luật                                                              **d.**5 kiểu pháp luật

**Câu 2**. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

**a.**Chức năng điều chỉnh các QHXH                                              **b.**Chức năng xây dựng và bảo vệ tổ quốc

**c.**Chức năng bảo vệ các QHXH                                                     **d.**Chức năng giáo dục

**Câu 3**. Thuộc tính của pháp luật là:

**a.**Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)                         **b.**Tính phân chia dân cư theo lãnh thổ

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                   **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 4**. Các thuộc tính của pháp luật là:

**a.**Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức                                   **b.**Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

**c.**Cả a và b đều đúng**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 5**. Việc tòa án thường đưa các vụ án đi xét xử lưu động thể hiện chủ yếu chức năng nào của pháp luật:

**a.**Chức năng điều chỉnh các QHXH                                                   **b.**Chức năng bảo vệ các QHXH

**c.**Chức năng giáo dục pháp luật                                                         **c.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 6**. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

**a.**Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

**b.**Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

**c.**Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

**d.**Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

**Câu 7**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Nguồn của pháp luật nói chung là: Văn bản pháp luật

**b.**Nguồn của pháp luật nói chung là: Văn bản pháp luật; tập quán; tiền lệ

**d.**Cả a, b và c đều sai

**c.**Nguồn của pháp luật nói chung là: Văn bản pháp luật; tập quán pháp; và tiền lệ pháp

**Câu 8**. Quyền tự do kinh doanh được quy định tại Điều 33 Hiến pháp 2013, nghĩa là:

**a.**Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

**b.**Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, trừ cán bộ, công chức.

**c.**Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, trừ đảng viên.

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 9**. Nhận định nào đúng:

**a.**Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng kế thừa kiểu pháp luật trước

**b.**Kiểu pháp luật sau bao giờ cũng tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước

**c.**Kiểu pháp luật sau chỉ tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước nhưng không kế thừa kiểu pháp luật trước

**d.**Cả a và b đều đúng

**Câu 10**. Các thuộc tính của pháp luật là:

**a.**Có chủ quyền quốc gia                                                                     **b.**Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

**c.**Tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biêt                              **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 11**. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

**a.**Chỉ có Nhà nước mới có quyền ban hành pháp luật để quản lý xã hội.

**b.**Không chỉ nhà nước mà cả TCXH cũng có quyền ban hành pháp luật.

**c.**TCXH chỉ có quyền ban hành pháp luật khi được nhà nước trao quyền.

**d.**Cả a và c

**Câu 12**. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức là thuộc tính (đặc trưng) của:

**a.**Quy phạm đạo đức                                                       **b.**Quy phạm tập quán

**c.**QPPL                                                                      **d.**Quy phạm tôn giáo

**Câu 13**. Đặc điểm của QPPL khác so với quy phạm xã hội thời kỳ CXNT.

**a.**Thể hiện ý chí của giai cấp thống trị; nội dung thể hiện quan hệ bất bình đẳng trong xã hội.

**b.**Có tính bắt buộc chung, tính hệ thống và thống nhất cao.

**c.**Được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước, chủ yếu bởi sự cưỡng chế.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 14**. Chức năng của pháp luật:

**a.**Chức năng lập hiến và lập pháp                                                    **b.**Chức năng giám sát tối cao

**c.**Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội                                          **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 15**. Con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

**a.**Tập quán pháp                                                                    **b.**Tiền lệ pháp

**c.**VBPL                                                                      **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 16**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Tập quán pháp là tập quán được NN thừa nhận

**b.**Tập quán pháp là tập quán có thể được NN thừa nhận hoặc không cần phải được NN thừa nhận

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 17**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận

**b.**Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được NN thừa nhận hoặc không cần phải được NN thừa nhận

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 18**. Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung) là thuộc tính (đặc trưng) của:

**a.**QPPL                                                                           **b.**Quy phạm đạo đức

**c.**Quy phạm tập quán                                                      **d.**Quy phạm tôn giáo

**Câu 19**. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

**a.**Pháp luật là đạo đức tối thiểu                                                         **b.**Đạo đức là pháp luật tối đa

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                      **c.**Cả a và b đều sai

**Câu 20**. Sự tồn tại của pháp luật:

**a.**Do nhu cầu quản lý xã hội của nhà nước.

**b.**Là một hiện tượng tất yếu, bất biến trong đời sống xã hội của loài người.

**c.**Là do ý chí chủ quan của giai cấp thống trị.

**d.**Yêu cầu khách quan của một xã hội có giai cấp.

**Câu 21**. Pháp luật là:

**a.**Công cụ hạn chế sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

**b.**Công cụ đảm bảo sự tự do của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

**c.**Công cụ đảm bảo sự tự do của các chủ thể này nhưng lại hạn chế sự tự do của các chủ thể khác trong xã hội.

**d.**Cả a, b và c đều sai.

**Câu 22**. Pháp luật là:

**a.**Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

**b.**Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

**c.**Công cụ bảo đảm cho sự tự do cho cá nhân, tổ chức trong xã hội

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 23**. Câu nói: “Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế thông qua pháp luật” có nghĩa là:

**a.**Pháp luật chính là sự phản ánh các điều kiện tồn tại khách quan của xã hội.

**b.**Đường lối, chính sách của đảng cầm quyền bị quy định bởi cơ sở kinh tế.

**c.**Pháp luật của nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của đảng cầm quyền.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 24**. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

**a.**Pháp luật bảo vệ môi trường.                                                  **b.**Pháp luật phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người.

**c.**Cả a và b đều đúng.                                                        **d.**Cả a và b đều sai.

**Câu 25**. Quan điểm về pháp luật tự nhiên là:

**a.**PL do giai cấp thống trị ban hành                                   **b.**PL phát sinh từ bản chất tự nhiên của con người

**c.**Cả a và b đều đúng                                                         **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 26**. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

**a.**Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức                                **b.**Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)

**c.**Cả a và b đều đúng                                                   **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 27**. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

**a.**Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)                                **b.**Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

**c.**Cả a và b đều đúng                                                     **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 28**. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

**a.**Tính giám sát tối cao                                                             **b.**Tính điều chỉnh các quan hệ xã hội

**c.**Cả a và b đều đúng                                                     **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 29**. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

**a.**Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức                                  **b.**Điều chỉnh các quan hệ xã hội

**c.**Cả a và b đều đúng                                                   **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 30**. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

**a.**Tính bắt buộc chung (tính quy phạm phổ biến)                           **b.**Bảo vệ các quan hệ xã hội

**c.**Cả a và b đều đúng                                                     **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 31**. Thuộc tính (đặc trưng) nào sau đây là của pháp luật:

**a.**Giáo dục hành vi con người                                                           **b.**Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

**c.**Cả a và b đều đúng                                                     **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 32**. Pháp luật là:

**a.**Đại lượng đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

**b.**Chuẩn mực cho xử sự của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

**c.**Hiện tượng khách quan xuất hiện trong xã hội có giai cấp.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 33**. Trong mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế, thì:

**a.**Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế.

**b.**Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật.

**c.**Kinh tế là yếu tố quyết định pháp luật, nhưng pháp luật có tính độc lập tương đối, tác động trở lại kinh tế.

**d.**Pháp luật là yếu tố quyết định kinh tế, nhưng kinh tế có tính độc lập tương đối, tác động trở lại pháp luật.

**Câu 34**. Con đường hình thành nên pháp luật nói chung:

**a.**VBQPPL                                                                                     **b.**VBQPPL, tập quán pháp

**c.**VBQPPL, tiền lệ pháp                                                                             **d.**VBQPPL, tập quán pháp, tiền lệ pháp

**Câu 35**. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

**a.**Chức năng điều chỉnh các QHXH                                                      **b.**Chức năng lập hiến và lập pháp

**c.**Chức năng bảo vệ các QHXH                                                            **d.**Chức năng giáo dục

**Câu 36**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận

**b.**Tiền lệ pháp là tiền lệ được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

**c.**Tập quán pháp là tập quán được nhà nước thừa nhận; Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

**d.**Tiền lệ pháp là tiền lệ có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận; Tập quán pháp là tập quán có thể được nhà nước thừa nhận hoặc không cần phải được nhà nước thừa nhận

**Câu 37**. Khẳng định nào đúng:

**a.**ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân.

**b.**ADPL là việc thực hiện pháp luật của CQNN và người có thẩm quyền.

**c.**ADPL là việc thực hiện pháp luật của công dân, của CQNN và của người có thẩm quyền.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 38**. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật thì cần phải:

a. Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và Luật                                b. Đảm bảo tính thống nhất của pháp luật

c. Cả hai câu trên đều đúng                                                               d. Cả hai câu trên đều sai

**Câu 39**. "Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính ....................., do .................. ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ....................... của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện .................. , là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội"

a. Bắt buộc - quốc hội - ý chí - chính trị

b. Bắt buộc chung - nhà nước - lý tưởng - chính trị

c. Bắt buộc - quốc hội - lý tưởng - kinh tế xã hội

d. Bắt buộc chung - nhà nước - ý chí - kinh tế xã hội

**Câu 40**. Tập quán pháp là:

a. Biến đổi những tục lệ, tập quán có sẵn thành pháp luật

b. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật

c. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành QPPL

d. Cả a, b và c

**Câu 41**. Nội luật hóa là:

a. Chuyển hóa pháp luật nước ngoài thành pháp luật trong nước

b. Chuyển hóa ý chí của Đảng thành pháp luật

c. Chuyển hóa các quy phạm tập quán, đạo đức thành pháp luật

d. Cả a, b và c

**Câu 42**. Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ:

a. P.luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp                                           b. P.luật là ý chí của giai cấp thống trị

c. P.luật là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giai cấp               d. Cả a, b và c

**Câu 43.**Pháp luật là hệ thống các …

**a.**Quy định                                                                         **b.**Tiêu chuẩn, khuôn mẫu

**c.**Quy tắc xử sự do nhà nước ban hành                                           **d.**Quy tắc đối với hành vi

**Câu 44**. Khẳng định nào sau đây là đúng?

**a.**Mọi chuẩn mực đạo đức sẽ được Nhà nước cụ thể hóa thành pháp luật

**b.**Mọi hành vi phù hợp với pháp luật thì phù hợp với đạo đức

**c.**Mọi hành vi phù hợp với đạo đức thì chưa chắc phù hợp với pháp luật

**d.**Mọi hành vi phù hợp với đạo đức thì phù hợp với pháp luật

**Câu 45.**Trong các loại nguồn của PL sau, loại nguồn nào được xem là hình thức pháp luật bất thành văn?

**a.**Tập quán pháp                                                         **b.**Tiền lệ pháp

**c.**Văn bản QPPL                                                              **d.**Nguyên tắc pháp luật

**Câu 46.** Với tư cách là công cụ của nhà nước, pháp luật được nhà nước sử dụng để quản lý xã hội. Bằng kiến thức đã học, hãy cho biết pháp luật có những chức năng nào?

**a.**Chức năng giáo dục; chức năng ngăn ngừa; chức năng trừng phạt

**b.**Chức năng quản lý; chức năng bảo vệ; chức năng giáo dục

**c.**Chức năng điều chỉnh; chức năng bảo vệ; chức năng giáo dục

**d.**Chức năng quản lý; chức năng phòng ngừa; chức năng bảo vệ

**Câu 47**. Giáo dục pháp luật thể hiện ở mục đích cụ thể nào:

**a.**Mục đích nhận thức: Giáo dục pháp luật nhằm hình thành làm sâu sắc và mở rộng hệ thống tri thức pháp luật của công dân.

**b.**Mục đích cảm xúc: Giáo dục pháp luật nhằm hình thành tình cảm và lòng tin đối với pháp luật.

**c.**Mục đích hành vi: Giáo dục pháp luật nhằm hình thành động cơ, hành vi và thói quen xử sự hợp pháp, tích cực.

**d.**Cả 3 mục đích trên.

**Câu 48**. Vai trò của pháp luật nước ta là:

**a.**Công cụ thực hiện đường lối chính sách của Đảng                         **b.**Công cụ quản lý của nhà nước

**c.**Công cụ thực hiện quyền làm chủ của nhân dân                                **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 49.**Pháp luật thể hiện ý chí của …………trong xã hội.

**a.**Tất cả các giai cấp                                                        **b.**Giai cấp thống trị

**c.**Giai cấp nắm quyền lực nhà nước                                        **d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 50**. Câu nào sau đây là sai?

**a.**Tiền lệ pháp *(án lệ)* là sự áp dụng nguyên bản án cũ tương tự để làm khuôn mẫu áp dụng đối với các vụ việc tương tự xảy ra sau này

**b.**Tiền lệ pháp là hình thức nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc cơ quan xét xử khi giải quyết các vụ việc cụ thể để làm cơ sở áp dụng đối với các vụ việc tương tự xảy ra sau này

**c.**Khi áp dụng hình thức án lệ, các bên có quyền căn cứ vào các lập luận của bản án cũ để tranh tụng

**d.**Khi áp dụng hình thức án lệ sẽ khắc phục được lỗ hổng của pháp luật thành văn

**Câu 51**. Tiêu chuẩn để xác định mức độ hoàn thiện của hệ  thống pháp luật là:

**a.**Tính toàn diện; tính đồng bộ; tính phù hợp

**b.**Tính toàn diện; tính đồng bộ; trình độ kỹ thuật pháp lý

**c.**Tính đồng bộ; tính phù hợp; trình độ kỹ thuật pháp lý

**d.**Tính toàn diện; tính đồng bộ; tính phù hợp; trình độ kỹ thuật pháp lý

**Câu 52.***Tập quán pháp* và *tiền lệ pháp* không được xem là nguồn của pháp luật Việt Nam do chúng có nhược điểm nào sau đây:

**a.**Các tập quán thường có tính địa phương nên khi nâng chúng lên thành tập quán pháp thì khó có thể được chấp nhận ở địa phương khác

**b.**Nếu thừa nhận tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật mà không có sự thận trọng thì có thể thừa nhận khả năng làm luật của các cán bộ hành pháp và tư pháp, gây thiệt hại cho người dân nếu những cán bộ này thiếu tài, thiếu đức

**c. Cả a và b** đều đúng

**d. Cả a và b** đều sai

**Câu 53.** Thông thường pháp luật được hình thành bằng cách thức nào?

**a.**Nhà nước lựa chọn và thừa nhận những tập quán đã lưu truyền trong xã hội và nâng chúng lên thành pháp luật

**b.**Nhà nước sáng tạo ra pháp luật

**c. Cả a và b** đều đúng

**d. Cả a và b** đều sai

**Câu 54.** Pháp luật tồn tại trong xã hội nào?

**a.**Xã hội không có tư hữu                                                **b.**Xã hội có đối kháng giai cấp

**c.**Xã hội không có nhà nước                                                **d.**Xã hội không có giai cấp

**Câu 55.** Pháp luật có chức năng:

**a.**Là phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội

**b.**Điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ xã hội chủ yếu

**c.**Là cơ sở để hoàn thiện bộ máy nhà nước

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 56.** Pháp luật là:

**a.**Những quy định mang tính bắt buộc chung cho mọi người trong xã hội

**b.**Những quy định mang tính cưỡng chế đối với các cơ quan, tổ chức trong xã hội

**c.**Những quy định do cơ quan nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định

**d.**Những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo đảm thực hiện

**Câu 57.** Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Hình thức ............ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, trong đó có những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

**a.**Văn bản QPPL        **b.**Tập quán pháp

**c.**Tiền lệ pháp                                                              **d.**Án lệ pháp

**Câu 58.** Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Xuất phát từ ................, cho nên bất cứ nhà nước nào cũng dùng pháp luật làm phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội.

**a.**Tính cưỡng chế của p.luật                                                              **b.**Những thuộc tính cơ bản của p.luật

**c.**Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của p.luật                    **d.**Tính quy phạm phổ biến của p.luật

**Câu 59.** Khi nghiên cứu về chức năng của pháp luật, thì  khẳng định nào sau đây là đúng?

**a.**Pháp luật điều chỉnh tất cả mọi quan hệ xã hội

**b.**Pháp luật là công cụ hữu hiệu để bảo vệ lợi ích của mọi giai cấp, tầng lớp và mọi cá nhân trong xã hội

**c.**Pháp luật sinh ra là nhằm cưỡng chế đối với con người

**d.**Pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội mang tính chất phổ biến, điển hình và ổn định

**Câu 60.** Các hình thức pháp luật bao gồm:

**a.**Tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản pháp luật

**b.**Tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản QPPL

**c.**Tập quán pháp, án lệ pháp, văn bản pháp luật

**d.**Tập quán pháp, điều lệ pháp, văn bản QPPL

**Câu 61.** Trong xã hội có giai cấp, QP nào có vai trò quan trọng nhất đối với việc duy trì trật tự xã hội?

**a.**QP tập quán                                                                 **b.**QP tôn giáo             

**c.**QPPL                                                                         **d.**QP đạo đức

**Câu 62.**Quy phạm xã hội không tồn tại trong chế độ cộng sản nguyên thủy là:

**a.**Đạo đức                                                                         **b.**Tập quán

c. QPPL                                                                      **d.**Tín điều tôn giáo

**Câu 63.** Pháp luật là phương tiện để:

**a.**Bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân

**b.**Nhà nước sử dụng làm công cụ chủ yếu quản lý mọi mặt đời sống xã hội

**c.**Hoàn thiện bộ máy nhà nước và tạo lập mối quan hệ ngoại giao

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 64.** Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức thì khẳng định nào sau đây là sai?

**a.**PL và đạo đức đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng

**b.**PL và đạo đức đều được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội

**c.**PL và đạo đức đều được NN sử dụng để điều chỉnh tất cả các quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội

**d.**PL và đạo đức đều là quy phạm có tác dụng điều chỉnh đến hành vi xử sự của con người trong xã hội

**Câu 65.** Trong mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chúng ta thấy rằng:

**a.**PL và kinh tế đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng

**b.**PL giữ vai trò chủ đạo, quyết định đối với kinh tế

**c.**PL vừa chịu sự tác động, chi phối của kinh tế; đồng thời lại vừa có sự tác động đến kinh tế rất mạnh mẽ

**d.**PL và kinh tế có nhiều nét tương đồng với nhau

CHƯƠNG III: CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI QUAN HỆ XÃ HỘI

**Câu 1**. Đặc điểm của các quy phạm xã hội (tập quán, tín điều tôn giáo) thời kỳ CXNT:

**a.**Thể hiện ý chí chung, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, thị tộc, bộ lạc; Mang tính manh mún, tản mạn và chỉ có hiệu lực trong phạm vi thị tộc - bộ lạc**.**

**b.**Mang nội dung, tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tính cộng đồng, bình đẳng, nhưng nhiều quy phạm xã hội có nội dung lạc hậu, thể hiện lối sống hoang dã.

**c.**Được thực hiện tự nguyện trên cơ sở thói quen, niềm tin tự nhiên, nhiều khi cũng cần sự cưỡng chế, nhưng không do một bộ máy chuyên nghiệp thực hiện mà do toàn thị tộc tự tổ chức thực hiện.

**d.**Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 2**. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

**a.**Chỉ áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể.                                      **b.**Được áp dụng trong nhiều hoàn cảnh.

**c.**Cả a và b đều đúng                                                        **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 3**. Mỗi một điều luật:

**a.**Có thể có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành QPPL.                              **b.**Có thể chỉ có hai yếu tố cấu thành QPPL

**c.**Có thể chỉ có một yếu tố cấu thành QPPL                                       **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 4**. Trong một nhà nước:

**a.**NLPL của các chủ thể là giống nhau.

**b.**NLPL của các chủ thể là khác nhau.

**c.**NLPL của các chủ thể có thể giống nhau, có thể khác nhau, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 5**. Cơ quan nào có thẩm quyền hạn chế NLHV của công dân:

**a.**Viện kiểm gì sát nhân dân                                                                  **b.**Tòa án nhân dân

**c.**Hội đồng nhân dân; UBND                                                              **d.**Quốc hội

**Câu 6**. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự chưa đầy đủ, khi:

**a.**Dưới 18 tuổi                                                                                      **b.**Từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi

**c.**Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi                                                          **d.**Dưới 21 tuổi

**Câu 7**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Muốn trở thành chủ thể QHPL thì trước hết phải là chủ thể pháp luật

**b.**Đã là chủ thể QHPL thì là chủ thể pháp luật

**c.**Đã là chủ thể QHPL thì có thể là chủ thể pháp luật, có thể không phải là chủ thể pháp luật

**d.**Cả a và b

**Câu 8**. Hình thức thực hiện nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

**a.**ADPL                                                                                **b.**Tuân thủ pháp luật

**c.**Thi hành pháp luật                                                              **d.**Sử dụng pháp luật

**Câu 9**. Hoạt động áp dụng tương tự quy phạm là:

**a.**Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

**b.**Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

**c.**Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

**d.**Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

**Câu 10**. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL:

**a.**Khi có QPPL điều chỉnh QHXH tương ứng

**b.**Khi xuất hiện chủ thể pháp luật trong trường hợp cụ thể

**c.**Khi xảy ra SKPL

**d.**Cả a, b và c

**Câu 11**. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm dân sự:

**a.**Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.

**b.**Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức

**c.**Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức, tùy từng trường hợp

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 12**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Mọi hành vi trái pháp luật hình sự được coi là tội phạm

**b.**Mọi tội phạm đều đã có thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự

**c.**Trái pháp luật hình sự có thể bị coi là tội phạm, có thể không bị coi là tội phạm

**d.**Cả b và c

**Câu 13**. Tuân thủ pháp luật là:

**a.**Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

**b.**Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

**c.**Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

**d.**Cả a và b

**Câu 14**. Hình thức trách nhiệm nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:

**a.**Trách nhiệm hành chính                                                               **b.**Trách nhiệm hình sự

**c.**Trách nhiệm dân sự                                                                          **d.**Trách nhiệm kỹ luật

**Câu 15**. Thi hành pháp luật là:

**a.**Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

**b.**Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

**c.**Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

**d.**Cả a và b đều đúng

**Câu 16**. Sử dụng pháp luật:

**a.**Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

**b.**Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

**c.**Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 17**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định của QPPL trong thực tiễn.

**b.**SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định và quy định của QPPL trong thực tiễn.

**c.**SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định, quy định và chế tài của QPPL trong thực tiễn.

**Câu 18**. Quyết định ADPL:

**a.**Nội dung phải đúng thẩm quyền cơ quan và người ký (ban hành) phải là người có thẩm quyền ký.

**b.**Phải phù hợp với văn bản của cấp trên.

**c.**Phải phù hợp với lợi ích của nhà nước và lợi ích hợp pháp của công dân.

**d.**Cả a, b và c

**Câu 19**. Nguyên nhân của VPPL:

**a.**Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất

**b.**Tàn dư, tập tục đã lỗi thời của xã hội cũ còn rơi rớt lại

**c.**Trình độ dân trí và ý thức pháp luật thấp của nhiều tầng lớp dân cư

**d.**Cả a, b và c

**Câu 20**. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

**a.**Áp dụng cho một lần duy nhất và hết hiệu lực sau lần áp dụng đó.

**b.**Áp dụng cho một lần duy nhất và vẫn còn hiệu lực sau lần áp dụng đó.

**c.**Áp dụng cho nhiều lần và vẫn còn hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

**d.**Áp dụng cho nhiều lần và hết hiệu lực sau những lần áp dụng đó.

**Câu 21**. Chủ thể của QHPL là:

**a.**Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong một nhà nước.

**b.**Cá nhân, tổ chức được nhà nước công nhận có khả năng tham gia vào các QHPL.

**c.**Cá nhân, tổ chức cụ thể có được những quyền và mang những nghĩa vụ pháp lý nhất định được chỉ ra trong các QHPL cụ thể.

**d.**Cả a, b và c

**Câu 22**. Ở các quốc gia khác nhau:

**a.**NLPL của các chủ thể pháp luật là khác nhau.

**b.**NLPL của các chủ thể pháp luật là giống nhau.

**c.**NLPL của các chủ thể pháp luật có thể giống nhau, có thể khác nhau.

**d.**Cả a, b và c đều sai.

**Câu 23**. Khẳng định nào đúng:

**a.**QPPL mang tính bắt buộc chung.

**b.**Các QPXH không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc chung.

**c.**Các QPXH không phải là QPPL cũng mang tính bắt buộc nhưng không mang tính bắt buộc chung.

**d.**Cả a và c

**Câu 24**. TCXH nào sau đây không được Nhà nước trao quyền ban hành một số VBPL:

**a.**ĐCS Việt Nam                                                                          **b.**Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

**c.**Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam                                                        **d.**Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

**Câu 25**. NLHV là:

**a.**Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.                                    **b.**Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

**c.**Cả a và b đều đúng.

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 26**. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự đầy đủ:

**a.**Từ đủ 16 tuổi                                                               **b.**Từ đủ 18 tuổi

**c.**Từ đủ 21 tuổi                                                                     **d.**Từ đủ 25 tuổi

**Câu 27**. Chế tài của QPPL là:

**a.**Hình phạt nghiêm khắc của nhà nước đối với người có hành vi VPPL.

**b.**Những hậu quả pháp lý bất lợi có thể áp dụng đối với người không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của QPPL.

**c.**Biện pháp cưỡng chế nhà nước áp dụng đối với người VPPL.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 28**. Người bị mất NLHV dân sự là người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác:

**a.**Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

**b.**Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự kể cả khi chưa có kết luận của tổ chức giám định.

**c.**Mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố mất NLHV dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 29**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Hành vi VPPL là hành vi thực hiện pháp luật.

**b.**Hành vi VPPL không phải là hành vi thực hiện pháp luật.

**c.**Hành vi VPPL cũng có thể là hành vi thực hiện pháp luật cũng có thể không phải là hành vi thực hiện pháp luật.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 30**. Hoạt động ADPL:

**a.**Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.

**b.**Là hoạt động không mang tính cá biệt – cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.

**c.**Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 31**. Hoạt động áp dụng tương tự pháp luật (hay tương tự luật) là:

**a.**Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

**b.**Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

**c.**Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

**d.**Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và có cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

**Câu 32**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Cơ quan của TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL.

**b.**Cơ quan của TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.

**c.**Cơ quan của TCXH chỉ có quyền thực hiện hình thức ADPL khi được nhà nước trao quyền.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 33**. Tuân thủ pháp luật là:

**a.**Thực hiện các QPPL cho phép.                                                   **b.**Thực hiện các QPPL bắt buộc.

**c.**Thực hiện các QPPL cấm đoán.                                                            **d.**Cả b và c

**Câu 34**. Chủ thể có hành vi trái pháp luật, thì:

**a.**Phải chịu trách nhiệm pháp lý

**b.**Không phải chịu trách nhiệm pháp lý

**c.**Có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 35**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Khi một người chịu trách nhiệm về một sự việc nghĩa là người đó phải chịu TNPL về sự việc đó.

**b.**Khi một người phải chịu trách nhiệm về một sự việc thì người đó có thể hoặc không phải chịu TNPL về sự việc đó.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 36**. Khẳng định nào sau đây là không đúng:

**a.**Chỉ có CQNN hoặc người có thẩm quyền mới thực hiện hình thức ADPL.

**b.**Cơ quan TCXH không có quyền thực hiện hình thức ADPL.

**c.**TCXH luôn có quyền thực hiện hình thức ADPL.

**d.**Cơ quan TCXH có quyền thực hiện hình thức ADPL khi nhà nước trao quyền.

**Câu 37**. Về mặt cấu trúc, mỗi một QPPL:

**a.**Phải có cả ba bộ phận cấu thành: giả định, quy định, chế tài

**b.**Phải có ít nhất hai bộ phận trong ba bộ phận nêu trên

**c.**Chỉ cần có một trong ba bộ phận nêu trên

**d.**Cả a, b và c đều sai.

**Câu 38**. Các quyết định ADPL được ban hành:

**a.**Luôn luôn phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể.

**b.**Thông thường là phải theo một thủ tục chặt chẽ với đầy đủ các bước, các giai đoạn rõ ràng, cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng không có đầy đủ các bước để giải quyết công việc khẩn cấp.

**c.**Một cách chớp nhoáng không có đầy đủ các bước, các giai đoạn và không theo một trình tự nhất định.                                                                                     **d.**Cả a, b và c

**Câu 39**. Quyết định ADPL:

**a.**Phải được ban hành kịp thời.

**b.**Phải đúng hình thức pháp lý và đúng mẫu quy định.

**c.**Nội dung phải cụ thể, lời văn phải rõ ràng, chính xác, ngắn gọn.

**d.**Cả a, b và c.

**Câu 40**. Nguyên nhân của VPPL:

**a.**Hoạt động thù địch của các lực lượng phản động

**b.**Những thiếu sót trong hoạt động quản lý của nhà nước

**c.**Tồn tại số ít người bẩm sinh có xu hướng tự do vô tổ chức

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 41**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định của QPPL trong thực tiễn.

**b.**SKPL là sự cụ thể hoá phần quy định của QPPL trong thực tiễn.

**c.**SKPL là sự cụ thể hoá phần chế tài của QPPL trong thực tiễn.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 42**. Phần giả định của QPPL là:

**a.**Quy tắc xử sự thể hiện ý chí của nhà nước mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.

**b.**Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định.

**c.**Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế, là môi trường tác động của QPPL.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 43**. Người nghiện ma túy hoặc các chất kích khác bị hạn chế NLHV dân sự, khi:

**a.**Bị công an hạn chế NLHV dân sự                                           **b.**Bị tòa án tuyên bố hạn chế NLHV dân sự

**c.**Bị viện kiểm sát hạn chế NLHV dân sự                                         **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 44**. Quy phạm xã hội nào sau đây là quy tắc xử sự (quy tắc hành vi):

**a.**Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán

**b.**Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo

**c.**Quy phạm đạo đức; Quy phạm tập quán; Quy phạm tôn giáo; Quy phạm của các TCXH

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 45**. Xét về độ tuổi, người không có NLHV dân sự là người:

**a.**Dưới 6 tuổi                                                                      **b.**Dưới 14 tuổi

**c.**Dưới 16 tuổi                                                                  **d.**Dưới 18 tuổi

**Câu 46**. Điều kiện để trở thành chủ thể của QHPL:

**a.**Có năng lực chủ thể pháp luật.                                                        **b.**Có NLPL.

**c.**Có NLHV.                                                                                         **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 47**. Sự biến là:

**a.**Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

**b.**Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

**c.**Những sự kiện xảy ra có thể phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người hoặc không phụ thuộc vào ý chí con người, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 48**. Các phương thức thể hiện của pháp luật QPPL:

**a.**Phương thức thể hiện trực tiếp

**b.**Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn

**c.**Phương thức thể hiện trực tiếp; Phương thức thể hiện viện dẫn; Phương thức thể hiện mẫu

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 49**. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

**a.**Cá nhân; TCXH và doanh nghiệp                                                      **b.**CQNN và người có thẩm quyền

**c.**TCXH khi được nhà nước trao quyền                                           **d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 50**. Tính chất của hoạt động ADPL:

**a.**Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực nhà nước.

**b.**Là hoạt động không mang tính cá biệt – cụ thể nhưng thể hiện quyền lực nhà nước.

**c.**Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể, vừa thể hiện quyền lực nhà nước.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 51**. Hành vi VPPL “gây rối trật tự công cộng” là:

**a.**Hành vi vi phạm hành chính                                                         **b.**Hành vi vi phạm hình sự

**c.**Hoặc A đúng hoặc B đúng                                                            **d.**Cả a và b đều đúng

**Câu 52**. Sử dụng pháp luật là:

**a.**Thực hiện các QPPL cho phép.                                                         **b.**Thực hiện các QPPL bắt buộc.

**c.**Thực hiện các QPPL cấm đoán.                                                           **d.**Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 53**. Sử dụng pháp luật là

**a.**Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

**b.**Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

**c.**Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 54**. Các loại VPPL:

**a.**Vi phạm hình sự

**b.**Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính

**c.**Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính và vi phạm dân sự

**d.**Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự và vi phạm kỉ luật

**Câu 55**. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

**a.**Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

**b.**Được thực hiện nhiều lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

**c.**Chỉ được thực hiện một lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.

**d.**Được thực hiện nhiều lần và vẫn còn hiệu lực khi được thực hiện.

**Câu 56**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Chỉ có VPPL mới phải chịu trách nhiệm pháp lý

**b.**Các VPPL, vi phạm đạo đức, vi phạm quy tắc tôn giáo, vi phạm tập quán,… đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 57**. Các chủ thể có quyền thực hiện hình thức ADPL:

**a.**CQNN và người có thẩm quyền                                                     **b.**Cá nhân; TCXH

**c.**TCXH khi được nhà nước trao quyền                                                 **d.**Cả a và c đều đúng

**Câu 58**. Các quyết định ADPL có thể được ban hành bằng hình thức:

**a.**Bằng miệng

**b.**Bằng văn bản

**c.**Có thể bằng miệng hoặc bằng văn bản tuỳ thuộc từng trường hợp cụ thể

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 59**. Phần quy định của QPPL:

**a.**Là quy tắc xử sự mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà QPPL đã dự kiến trước.

**b.**Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.

**c.**Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh đã nêu.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 60**. Điều kiện để một tổ chức tham gia vào một QHPL cụ thể:

**a.**Chỉ cần có NLPL                                                                            **b.**Chỉ cần có NLHV

**c.**Có năng lực chủ thể pháp luật                                                         **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 61**. Mỗi QPPL:

**a.**Phải có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành: giả định; quy định; chế tài.

**b.**Chỉ cần có hai trong ba yếu tố trên.

**c.**Chỉ cần có một trong ba yếu tố trên.

**d.**Cả a, b và c đều sai.

**Câu 62**. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXH:

**a.**Quy phạm đạo đức                                                                           **b.**Quy phạm tập quán

**c.**Quy phạm tôn giáo                                                                           **d.**Cả a , b và c đều đúng

**Câu 63**. Quy phạm nào có chức năng điều chỉnh các QHXH:

**a.**QPPL                                                                                                       **b.**Quy phạm tôn giáo

**c.**Quy tắc quản lý của các TCXH                                                              **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 64**. SKPL có thể:

**a.**Làm phát sinh một QHPL cụ thể                                                         **b.**Làm thay đổi một QHPL cụ thể

**c.**Làm chấm dứt một QHPL cụ thể                                                          **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 65**. SKPL có thể:

**a.**Làm phát sinh một QHPL cụ thể                                              **b.**Làm phát sinh, thay đổi một QHPL cụ thể

**c.**Làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt một QHPL cụ thể                   **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 66**. Trong một nhà nước:

**a.**NLHV của các chủ thể khác nhau thì khác nhau.

**b.**NLHV của các chủ thể khác nhau thì giống nhau.

**c.**NLHV của các chủ thể có thể vừa giống nhau có thể vừa khác nhau.

**d.**Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 67**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**QPPL là QPXH                                                                          **b.**Quy phạm tôn giáo không phải là QPXH

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                            **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 68**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Quy phạm đạo đức là QPXH                                                              **b.**Quy phạm tập quán không phải là QPXH

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                            **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 69**. Đối với các quy phạm xã hội không phải là QPPL, các chủ thể có phải tuân thủ không khi xử sự theo các quy phạm đó:

**a.**Phải tuân thủ các quy tắc xử sự đó

**b.**Không phải tuân thủ các quy tắc sử sự đó

**c.**Có thể phải tuân thủ hoặc không, tùy theo từng trường hợp cụ thể

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 70**. Người bị hạn chế NLHV dân sự là người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác:

**a.**Dẫn đến phá tán tài sản của gia đình.

**b.**Dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế NLHV dân sự.

**c.**Dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án, Viện kiểm sát có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế NLHV dân sự.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 71**. Hình thức thực hiện pháp luật nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

**a.**Tuân thủ pháp luật                                                            **b.**Thi hành pháp luật

**c.**Sử dụng pháp luật                                                                     **d.**ADPL

**Câu 72**. Hành vi “gây rối trật tự công cộng” có thể là:

**a.**Hành vi vi phạm hình sự                                                                   **b.**Hành vi vi phạm dân sự

**c.**Cả a và b                                                                                     **d.**Cả a và b hoặc a hoặc b

**Câu 73**. VBPL:

**a.**Bắt buộc phải có QPPL                                                                    **b.**Không có QPPL

**c.**Có thể có hoặc không có QPPL                                                     **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 74**. Loại VPPL nào gây hậu quả lớn nhất cho xã hội:

**a.**Vi phạm hình sự                                                                  **b.**Vi phạm hành chính

**c.**Vi phạm dân sự                                                         **d.**Vi phạm kỹ luật

**Câu 75**. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

**A.**Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt, vì được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt-cụ thể

**b.**Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 76**. Đặc điểm của VBPL cụ thể - cá biệt là:

**a.**Hình thức thể hiện không chỉ là văn bản mà có thể bằng miệng.

**b.**Thông thường được ban hành bằng một thủ tục chặt chẽ và cụ thể, nhưng đôi khi cũng được ban hành chớp nhoáng, không có đầy đủ các bước để giải quyết những công việc khẩn cấp.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 77**. Tuân thủ pháp luật:

**a.**Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

**b.**Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

**c.**Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 78**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực tồn tại lâu dài

**b.**VBPL cá biệt được áp dụng nhiều lần và hiệu lực của nó chấm dứt ngay khi được áp dụng

**c.**VBPL cá biệt được áp dụng một lần và hiệu lực tồn tại lâu dài

**d.**VBPL cá biệt được áp dụng một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi được áp dụng

**Câu 79**. Quyết định ADPL:

**a.**Có những tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) theo quy định của pháp luật.

**b.**Không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định).

**c.**Có thể có hoặc không có tên gọi (hình thức pháp lý nhất định) tuỳ theo từng trường hợp cụ thể.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 80**. Thực hiện quyết định ADPL:

**a.**Các đối tượng có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định

**b.**Cơ quan ban hành cũng như những cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm việc thi hành.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 81**. Các biện pháp tăng cường pháp chế:

**a.**Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

**b.**Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

**c.**Tiến hành thường xuyên, kiên trì công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những VPPL

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 82**. Phần giả định của QPPL:

**a.**Bộ phận nêu lên địa điểm, thời gian, chủ thể, các hoàn cảnh, tình huống có thể xảy ra trong thực tế để QPPL có thể áp dụng.

**b.**Bộ phận nêu lên môi trường tác động của QPPL.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 83**. Chủ thể pháp luật là khái niệm để chỉ chủ thể pháp luật:

**a.**Một cách chung chung, không chỉ ra chủ thể cụ thể trong các trường hợp cụ thể

**b.**Một cách cụ thể, trong các trường hợp cụ thể

**c.**Có thể là cụ thể hoặc là chung chung, tùy từng trường hợp.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 84**. NLPL là:

**a.**Khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và mang các nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận.

**b.**Khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tham gia vào các QHPL.

**c.**Cả a và b đều đúng.

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 85**. Hành vi là:

**a.**Những hiện tượng của đời sống khách quan xảy ra không phụ thuộc vào ý chí con người.

**b.**Những sự kiện xảy ra phụ thuộc trực tiếp vào ý chí con người.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 86**. Câu khẳng định nào là đúng

**a.**NLPL luôn mang tính giai cấp.                                              **b.**NLHV không mang tính giai cấp.

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                        **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 87**. Câu khẳng định nào là đúng

**a.**NLPL không mang tính giai cấp.                                            **b.**NLHV luôn mang tính giai cấp.

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                          **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 88**. Ai có quyền tiến hành hoạt động ADPL:

**a.**Cá nhân, TCXH và doanh nghiệp                                                    **b.**CQNN, người có thẩm quyền

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                         **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 89**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi VPPL

**b.**Mọi hành vi VPPL là hành vi trái pháp luật

**c.**Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi VPPL, có thể không phải là hành vi VPPL

**d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 90**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Mọi hành vi VPPL là hành vi trái pháp luật

**b.**Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi VPPL, có thể không phải là hành vi VPPL

**c.**Cả b và c đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 91**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Mọi hành vi trái pháp luật là hành vi VPPL

**b.**Hành vi trái pháp luật có thể là hành vi VPPL, có thể không phải là hành vi VPPL

**c.**Cả b và c đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 92**. Thi hành pháp luật là:

**a.**Thực hiện các QPPL cho phép.                                                         **b.**Thực hiện các QPPL bắt buộc.

**c.**Thực hiện các QPPL cấm đoán.                                                      **d.**Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 93**. Thi hành pháp luật:

**a.**Không được làm những điều mà pháp luật cấm bằng hành vi thụ động

**b.**Phải làm những điều mà pháp luật bắt buộc bằng hành vi tích cực

**c.**Có quyền thực hiện hay không thực hiện những điều mà pháp luật cho phép

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 94**. Quyết định ADPL:

**a.**Luôn mang tính chất cụ thể và cá biệt

**b.**Được ban hành chỉ để giải quyết những trường hợp cá biệt - cụ thể

**c.**Chỉ được thực hiện một lần và sẽ chấm dứt hiệu lực khi được thực hiện

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 95**. Việc thực hiện các quyết định ADPL:

**a.**Bằng các biện pháp vật chất, tổ chức, kỹ thuật, kiểm tra việc thực hiện.

**b.**Có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành.

**d.**Cả a và b đều sai

**c.**Cả a và b đều đúng.

**Câu 96**. Hành vi VPPL:

a. Không bao giờ vi phạm đạo đức                                                       b. Có thể bao gồm cả vi phạm đạo đức

c. Cả a và b đều đúng                                                                           d. Cả a và b đều sai

**Câu 97**. Hành vi vi phạm đạo đức:

a. Không bao giờ VPPL                                                                         b. Có thể bao gồm cả VPPL

c. Cả a và b đều đúng                                                                           d. Cả a và b đều sai

**Câu 98**. Hành vi vi phạm tôn giáo:

a. Không bao giờ VPPL                                                                         b. Có thể bao gồm cả VPPL

c. Cả a và b đều đúng                                                                           d. Cả a và b đều sai

**Câu 99**. Hành vi VPPL:

a. Không bao giờ vi phạm tôn giáo                                                        b. Có thể bao gồm cả vi phạm tôn giáo

c. Cả a và b đều đúng                                                                            d. Cả a và b đều sai

**Câu 100**. Hành vi vi phạm tập quán:

a. Không bao giờ VPPL                                                                  b. Có thể bao gồm cả VPPL

c. Cả a và b đều đúng                                                                             d. Cả a và b đều sai

**Câu 101**. Các vụ án hình sự:

a. Không bao giờ liên quan đến phần dân sự                                  b. Đa số liên quan đến phần dân sự

c. Đều liên quan đến phần dân sự                                                    d. Cả a, b và c đều sai

**Câu 102**. Hành vi VPPL :

a. Không bao giờ vi phạm tập quán                                                  b. Có thể bao gồm cả vi phạm tập quán

c. Cả a và b đều đúng                                                                      d. Cả a và b đều sai

**Câu 103**. Hành vi VPPL:

a. Không bao giờ vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội                    c. Cả a và b đều đúng

b. Có thể bao gồm cả vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội               d. Cả a và b đều sai

**Câu 104**. Hành vi vi phạm quy tắc của các tổ chức xã hội:

a. Không bao giờ VPPL                                                                       b. Có thể bao gồm cả VPPL

c. Cả a và b đều đúng                                                                          d. Cả a và b đều sai

**Câu 105**. Cấu thành của VPPL bao gồm:

a. Giả định, quy định, chế tài                                                                b. Chủ thể, khách thể

c. Mặt chủ quan, mặt khách quan                                                           d. Cả b và c

**Câu 106**. QPPL là quy tắc xử sự mang tính ....................do ................... ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các ...........................

a. Bắt buộc chung - nhà nước - QHPL                                          b. Bắt buộc - nhà nước - quan hệ xã hội

c. Bắt buộc chung - quốc hội - quan hệ xã hội                                     d. Bắt buộc chung - nhà nước - quan hệ xã hội

**Câu 107**. Chế tài có các loại sau:

a. Chế tài hình sự và chế tài hành chính

b. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự

c. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật và chế tài dân sự

d. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật, chế tài dân sự và chế tài bắt buộc

**Câu 108**. "Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm". Bộ phận giả định là:

a. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa về dịch vụ

b. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng

c. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này

d. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm

**Câu 109**. Tư cách thể nhân không được công nhận cho:

a. Những người hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam nhưng không mang quốc tịch Việt Nam

b. Người chưa trưởng thành

c. Người mắc bệnh Down

d. Tất cả đều sai

**Câu 110**. Năng lực của chủ thể bao gồm:

a. NLPL và NLHV                                                                    b. NLPL và năng lực công dân

c. NLHV và năng lực nhận thức                                                            d. NLPL và năng lực nhận thức

**Câu 111**. Một công ty xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm nặng môi trường. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là:

a. Trách nhiệm hành chính                                                                        b. Trách nhiệm hình sự

c. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự                                       d. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

**Câu 112**. Chọn phát biểu sai:

a. Phó thủ tướng không nhất thiết phải là Đại biểu quốc hội

b. NLPL xuất hiện từ khi con người được sinh ra

c. Năng lực lao động xuất hiện từ khi công dân đủ 15 tuổi

d. NLPL là tiền đề của NLHV

**Câu 113**. Quy định thường gặp trong pháp luật hành chính:

a. Quy định dứt khoát                                                           b. Quy định tùy nghi

c. Quy định giao quyền                                                        d. Tất cả đều sai

**Câu 114**. Các hình thức thực hiện pháp luật bao gồm:

a. Tuân thủ pháp luật và thực thi pháp luật

b. Tuân thủ pháp luật và áp dụng pháp luật

c. Tuân thủ pháp luật, thực hiện pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật

d. Tuân thủ pháp luật, thực thi pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật

**Câu 115**. QPPL dân sự như sau: "Việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mọi hình thức kết hôn khác đều không có giá trị về mặt pháp lý". Bao gồm:

a. Giả định                                                                     b. Quy định

c. Giả định và quy định                                                    d. Quy định và chế tài

**Câu 116**. Cơ sở truy cứu trách nhiệm pháp lý là:

a. Nhân chứng                                                                       b. Vật chứng

c. VPPL                                                                          d. Cả a và b đúng

**Câu 117**. Trường hợp nào sau đây là hành vi VPPL

a. Một người tâm thần thực hiện hành vi giết người

b. Một người 14 tuổi điều khiển xe máy không bằng lái

c. Một người thuê mướn trẻ em dưới 15 tuổi làm việc

d. Cả b và c đều đúng

**Câu 118**. Một thực khách đến quán ăn dùng bữa đã dựng xe trước cửa quán ăn. Vị khách này đã chủ quan không lấy thẻ giữ xe cũng như chất vấn chủ quán về trách nhiệm trông coi xe. Xe bị kẻ trộm lấy mất và người chủ quán thoái thác trách nhiệm. Trong trường hợp này người chủ quán:

a. Có lỗi cố ý trực tiếp                                                                     b. Có lỗi cố ý gián tiếp

c. Vô ý vì quá tự tin                                                                      d. Không có lỗi

**Câu 119**. A là người lái đò đã già yếu, công việc thường ngày của ông là đưa học sinh qua sông đi học. Hôm đó là ngày mưa lũ nên ông không làm việc, nhưng nhìn thấy lũ trẻ không được đến trường nên ông đánh liều đưa chúng qua sông. Sóng to làm đò bị lật làm chết nhiều học sinh. Hành vi khách quan trong cấu thành VPPL của ông A ở đây là:

a. Đưa người sang sông trong điều kiện mưa lũ                                       b. Chở quá tải

c. Hành vi góp phần dẫn đến cái chết của những đứa trẻ                         d. Cả a, b và c

**Câu 120**. Hành vi VPPL không thể là:

a. Một lời nói                                                               b. Một tư tưởng xấu xa

c. Một bất tác vi                                                                d. Cả a, b và c

**Câu 121**. Một người thợ sửa xe gian manh đã cố tình sửa phanh xe cho một ông khách một cách gian dối, cẩu thả; với mục đích là để người khách này còn tiếp tục quay lại tiệm anh ta để sửa xe. Do phanh xe không an toàn nên sau đó chiếc xe đã lao xuống dốc gây chết vị khách xấu số. Tr.hợp trách nhiệm pháp lý ở đây là:

a. Trách nhiệm hành chính                                                                    b. Trách nhiệm hình sự

c. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự                             d. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

**Câu 122**. Sử dụng lại tình huống của câu 121, lỗi của người thợ sửa xe ở đây là:

a. Cố ý trực tiếp                                                             b. Cố ý gián tiếp

c. Vô ý do cẩu thả                                                              d. Vô ý vì quá tự tin

**Câu 123**. Một người dùng súng bắn đạn hơi vào rừng săn thú. Trong lúc sơ suất đã bắn nhầm một nhân viên kiểm lâm. Mặt chủ quan trong VPPL này là:

a. Cố ý gián tiếp                                                                b. Vô ý vì quá tự tin

c. Vô ý do cẩu thả                                                                d. Cố ý trực tiếp

**Câu 124**. Việc UBND Hà Nội ra quyết định yêu cầu quận Hoàng Mai tổ chức lấy ý kiến nhân dân về việc mở rộng địa giới hành chính Tp Hà Nội là hình thức sử dụng pháp luật nào?

a. Tuân thủ pháp luật                                                                 b. Thi hành pháp luật

c. Sử dụng pháp luật                                                         d. Áp dụng pháp luật

**Câu 125**. Một người bán quán lẩu, sử dụng bếp [gas](https://www.google.com/url?q=https://www.google.com/url?q%3Dhttp://www.wattpad.com/133607-tr-c-nghi-m-ph-p-lu-t-i-c-ng?p%253D6%26amp;sa%3DD%26amp;source%3Deditors%26amp;ust%3D1670512054305494%26amp;usg%3DAOvVaw05EH32iCxFfwnxOs66RBjC&sa=D&source=docs&ust=1670512054766043&usg=AOvVaw2yF6lQ_2DtMJJtmAjNBV9r) để bàn cho khách sử dụng. Do để tiết kiệm chi phí, người chủ quán đã sử dụng bình gas mini không đảm bảo an toàn. Hậu quả là bình gas phát nổ, gây bỏng nặng cho thực khách. Lỗi ở đây là:

a. Cố ý trực tiếp                                                                b. Cố ý gián tiếp

c. Vô ý do cẩu thả                                                               d. Không có lỗi

**Câu 126**. Sử dụng lại tình huống của câu 125, hành vi khách quan ở đây là:

a. Sử dụng bình gas không đảm bảo an toàn                                          b. Không tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm

c. Gây thương tích cho khách                                         d. Không có hành vi khách quan

**Câu 127**. Sử dụng lại tình huống của câu 125, các loại trách nhiệm pháp lý ở đây là:

a. Trách nhiệm hành chính                                                                    b. Trách nhiệm hình sự

c. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự                             d. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

**Câu 128**. Để truy cứu trách nhiệm pháp lý cho một chủ thể phải:

**a.**Xác định được đủ các yếu tố cấu thành của VPPL.

**b.**Xác định được chủ thể, khách thể, mặt khách quan và mặt chủ quan của VPPL.

**c.**Cả a và b đều sai.

**d.**Cả a và b đều đúng

**Câu 129**. Mất NLHV dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự Việt Nam là người:

**a.**Bị bệnh tâm thần.                                                                       **b.**Bị các bệnh làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

**c.**Cả a và b đều đúng.                                                                   **d.**Cả a và b đều sai.

**Câu 130**. Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt QHPL là gì?

**a.**Có QPPL điều chỉnh và có chủ thể tham gia.

**b.**Có QPPL điều chỉnh, có chủ thể tham gia và có sự kiện pháp lý xảy ra.

**c.**Có chủ thể tham gia và sự kiện pháp lý xảy ra.

**d.**QPPL và sự kiện pháp lý xảy ra.

**Câu 131**. Theo pháp luật Dân sự Việt Nam, NLPL và NLHV của pháp nhânxuất hiện tại thời điểm nào?

**a.**Pháp nhân được thành lập                                                       **b.**Pháp nhân được cho phép thành lập

**c.**Pháp nhân được cho phép đăng ký kinh doanh                                    **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 132**. Hộ gia đình theo quy định tại Bộ luật Dân sự Việt Nam phải có từ bao nhiêu cá nhân trở lên?

a. 2                                                                         b. 3

c. 4                                                                         d. 5

**Câu 133**. Hãy cho biết tổ chức nào sau đây không phải là pháp nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự VN?

**a.**Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoa Hồng                           **b.**Công ty hợp danh Phương Đông

**c.**Hợp tác xã Việt Tiến                                **d.**Trường Đại học Sư phạm TP.HCM

**Câu 134**. QHPL XHCN được cấu thành bởi:

**a.**Mặt chủ quan, mặt khách quan, chủ thể, khách thể                                         **b.**QPPL và sự kiện pháp lý

**c.**Quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể                                   **d.**Chủ thể, khách thể, nội dung

**Câu 135**. Lỗi  là yếu tố bắt buộc của yếu tố nào trong các yếu tố cấu thành VPPL?

**a.**Chủ thể                                                                       **b.**Mặt chủ quan

**c.**Mặt khách quan                                                           **d.**Khách thể

Câu 136. Khoản 7 Điều 103 Hiến pháp 2013: *"*Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm.*".*Nếu một bị cáo nào đó tự bào chữa cho mình trong phiên toà hoặc nhờ luật sư bào chữa cho mình là bị cáo đó đã:

**a.**Tuân thủ PL                                                                 **b.**Áp dụng PL.

**c.**Thi hành PL                                                          **d.**Sử dụng PL.

Câu 137. Điều 69 Hiến pháp 2013: *"*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.*". "Quyền tự do ngôn luận*" ở đây là quyền nói hay không nói một điều gì đó. Và khi ta nói hay không nói là ta đã:

**a.**Tuân thủ PL                                                                         **b.**Sử dụng PL

**c.** Thi hành PL                                                                 **d.**Áp dụng PL

**Câu 138**. QHPL là quan hệ mang  tính ý chí vì:

**a.**Nó là một loại quan hệ tư tưởng                                                         **b.**Nó được hình thành, thay đổi, chấm dứt do ý chí của NN

**c.**Nó được tác động bởi ít nhất một QPPL                                              **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 139**. Nhận định nào sau đây là đúng?

**a.**QHPL là quan hệ xã hội và ngược lại

**b.**QHPL chỉ thể hiện ý chí của các bên tham gia

**c.**QHPL thể hiện ý chí của các bên tham gia và ý chí của NN 

**d.**QHPL chỉ thể hiện ý chí của NN

**Câu 140.**Câu nào sau đây là sai khi diễn đạt một QPPL trong điều luật?

**a.**Một QPPL chỉ được trình bày trong một điều luật

**b.**Một QPPL có thể được trình bày trong một điều luật

**c.**Nhiều QPPL cũng có thể nằm trong một điều luật

**d.**Một điều khoản không nhất thiết phải có đầy đủ 3 bộ phận của một QPPL và trật tự của các bộ phận cũng có thể bị đảo lộn

**Câu 141.** Hãy xem tình huống sau:

        "Công dân A và công dân B có quan hệ mua bán căn nhà (trị giá 50 cây vàng). A đặt tiền cọc cho B 10 cây vàng. Sau đó B không muốn bán nữa và trả lại 10 cây vàng cho A, nhưng A không chịu và dẫn đến tranh chấp do họ không tự thoả thuận được".

*Hãy cho biết trong tình huống nêu trên chủ thể thực hiện pháp luật sẽ áp dụng hình thức thực hiện pháp luật nào*?

a. Tuân thủ PL                                                                   **b.**Thi hành PL

**c.**Sử dụng PL                                                                  **d.**Áp dụng PL

**Câu 142.** VPPL được cấu thành bởi mấy yếu tố?

a. 2                                                                         b. 3

c. 4                                                                         d. 5

**Câu 143.** *Thực hiện pháp luật* có tất cả mấy hình thức?

**a.**2**b.**3

**c.**4                                         **d.**5

**Câu 144.** Khi cơ quan điều tra tiến hành xem xét các phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội là họ đã xác định yếu tố cấu thành nào của VPPL?

**a.**Chủ thể                                                                **b.**Khách thể

**c.**Mặt chủ quan                                                        **d.**Mặt khách quan

**Câu 145.** *"Lợi ích mà các bên chủ thể đều mong muốn đạt được khi tham gia vào một QHPL cụ thể"* được pháp luật gọi là cái gì?

**a.**Đối tượng tác động                                                        **b.**Động cơ

**c.**Mục đích                                                                d. Khách thể

**Câu 146**. “*Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi*" trong mặt khách quan để cấu thành nên VPPL được hiểu như thế nào?

**a.**Hành vi phải xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian.

**b.**Hành vi phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả.

**c.**Hậu quả đã xảy ra phải là sự hiện thực hoá khả năng thực tế của hành vi.

**d.** Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 147.** Trong nội dung của QPPL: “Người nào mua bán phụ nữ thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm” thì phần “ phạt tù từ 2 năm đến 7 năm” là bộ phận:

**a.**Giả định                                                                        **b.**Quy định

**c.**Chế tài                                                                      **d.**Cả a, b và c sai

**Câu 148.** Trách nhiệm kỷ luật thuộc thẩm quyền của ai?

**a.**Toà án nhân dân                                                                               **b.**Cơ quan hành chính nhà nước

**c.**Thủ trưởng cơ quan đơn vị có người vi phạm kỷ luật áp dụng         **d.**Bên bị vi phạm kỷ luật áp dụng

**Câu 149**. Trong mối quan hệ giữa QPPL và QHPL thì *sự kiện pháp lý*đóng vai trò:

**a.**Căn cứ làm phát sinh QHPL                                                     **b.**Căn cứ làm thay đổi QHPL

**c.**Căn cứ làm chấm dứt QHPL                                                                       **d.**Cầu nối giữa QPPL và QHPL

**Câu 150.** “Lỗi” trong VPPL là:

**a.**Trạng thái tâm lý                                                                   **b.**Một hành vi

**c.**Một việc làm sai trái                                                    **d.**Một hành động không đúng

**Câu 151**. NLPL của chủ thể trong QHPL là:

**a.**Khả năng có quyền và có nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước quy định cho các chủ thể nhất định.

**b.**Các quyền và nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước thừa nhận cho chủ thể trong một QHPL nhất định.

**c.**Cả a và b đúng.

**d.**Khả năng mà nhà nước thừa nhận cho chủ thể bằng chính hành vi của mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý đã được pháp luật quy định.

**Câu 152.** Thực hiện pháp luật là:

**a.**Hành vi xử sự cụ thể và thực tế của cá nhân hay tổ chức nhằm thực hiện những quyền và nghĩa vụ pháp lý.

**b.**Quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật trở thành hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật.

**c.**Quá trình đưa pháp luật đi vào thực tiễn thông qua những hành vi của những đối tượng mà pháp luật điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật

**d.**Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 153**. Nguyên tắc pháp chế được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.” Vậy pháp chế là gì?

**a.**Pháp chế là hình thức quản lý xã hội bằng pháp luật

**b.**Pháp chế là sự tuân thủ triệt để pháp luật do nhà nước ban hành

**c.**Pháp chế đòi hỏi tất cả các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước, tổ chức xã hội, công dân đều nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật

**d.**Tất cả đều đúng

**Câu 154**. Hãy cho biết tình huống:*"Khi có một em bé được sinh ra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ xác nhận sự ra đời này bằng Giấy khai sinh"* là đã áp dụng hình thức thực hiện pháp luật nào?

**a.**Áp dụng PL.                                                                   **b.**Tuân thủ PL

**c.**Thi hành PL                                                                 **d.**Sử dụng PL

**Câu 155**. Căn cứ vào hình thức mệnh lệnh của QPPL (QPPL) ta có các loại QPPL sau:

**a.**QPPL dứt khoát, QPPL tuỳ nghi, QPPL hướng dẫn

**b.**QPPL định nghĩa, QPPL điều chỉnh, QPPL bảo vệ

**c.**QPPL cấm đoán, QPPL bắt buộc, QPPL cho phép

**d.**QPPL hình sự, QPPL dân sự, QPPL hành chính,…

**Câu 156.**VPPL là:

**a.**Hành vi trái quy định của pháp luật, có lỗi

**b.**Do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện

**c.**Xâm hại đến quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ

**d.**Cả a, b và c

**Câu 157.** Căn cứ vào nội dung của QPPL (QPPL) ta có các loại QPPL sau:

**a.**QPPL dứt khoát, QPPL tuỳ nghi, QPPL hướng dẫn.

**b.**QPPL định nghĩa, QPPL điều chỉnh, QPPL bảo vệ

**c.**QPPL cấm đoán, QPPL bắt buộc, QPPL cho phép

**d.**QPPL hình sự, QPPL dân sự, QPPL hành chính,…

**Câu** **158**. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật (YTPL) với pháp luật được thể hiện ở điểm nào sau đây:

**a.**YTPL là tiền đề tư tưởng trực tiếp để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

**b.**YTPL là nhân tố thúc đẩy việc thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội

**c.**YTPL là cơ sở bảo đảm cho việc áp dụng đúng đắn các QPPL

**d.**Tất cả đều đúng

**Câu 159**. Cấu trúc của ý thức pháp luật (YTPL) gồm có:

**a.**YTPL thông thường và YTPL có tính lý luận                              **b.**YTPL xã hội, YTPL nhóm và YTPL cá nhân

**c.** Hệ tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật                                      **d.**Tất cả đều sai

**Câu 160.** Theo quy định của luật dân sự Việt Nam, người không có NLHV dân sự là người:

**a.**Bị bệnh tâm thần                                                        **b.**Dưới 15 tuổi

**c.**Dưới 6 tuổi                                                                  **d.**Dưới 18 tuổi

**Câu 161**. Một trong các đặc điểm của QHPL là quan hệ mang tính ý chí. Theo anh (chị) đó là ý chí của chủ thể nào?

**a.**Ý chí của nhà nước

**b.**Ý chí của các bên tham gia QHPL

**c.**Ý chí của các bên tham gia quan hệ nhưng phải phù hợp với ý chí nhà nước

**d.**a và c đúng

**Câu 162.** QPPL và quy phạm xã hội:

**a.**Hoàn toàn giống nhau                **b.**Hoàn toàn khác nhau

**c.**Có điểm giống nhau và khác nhau                                                     **d.**Chỉ có điểm khác nhau, không có điểm giống nhau

**Câu 163.** Trình tự trình bày các bộ phận giả định, quy định, chế tài của QPPL là:

**a.**Giả định – Quy định – Chế tài                                                   **b.**Quy định – Chế tài – Giả định

**c.**Giả định – Chế tài – Quy định                                                 **d.**Không nhất thiết phải như Cả a, b và c

**Câu 164.** Điều kiện cần và đủ để một cá nhân trở thành chủ thể của QHPL là:

**a.**Phải đạt độ tuổi nhất định                                                       **b.**Không mắc bệnh tâm thần

**c.**Có NLPL và NLHV                                                              **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 165.** Thông thường VPPL được phân thành các loại:

**a.**Tội phạm và VPPL khác

**b.**VPPL hình sự; VPPL dân sự; VPPL hành chính; vi phạm kỷ luật

**c.**Tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi

**d.**Vi phạm luật tài chính, vi phạm luật đất đai, vi phạm lao động, vi phạm hôn nhân

**Câu 166.** Chủ thể của QHPL là:

**a.**Tất cả mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội

**b.**Là những cá nhân không mắc bệnh nguy hiểm cho xã hội

**c.**Cá nhân hay tổ chức có năng lực chủ thể tham gia vào QHPL

**d.**Những cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên và có trí óc bình thường

**Câu 167.** NLPL của cá nhân xuất hiện từ khi:

**a.**Cá nhân đủ 18 tuổi                                                                   **b.**Cá nhân tham gia vào QHPL

**c.**Cá nhân sinh ra                                                                       **d.**Cá nhân có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình

**Câu 168.** Dấu hiệu của VPPL là:

**a.**Hành vi xác định của con người

**b.**Hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi đó

**c.**Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật có năng lực trách nhiệm pháp lý

**d.**Bao gồm cả Cả a, b và c

**Câu 169.** Mặt chủ quan của VPPL gồm:

**a.**Lỗi cố ý và lỗi vô ý

**b.**Cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp; Vô ý vì quá tự tin và vô ý vì quá cẩu thả

**c.**Lỗi; động cơ, mục đích

**d.**Hành vi trái pháp luật và hậu quả nguy hiểm cho xã hội

**Câu 170.** Hành vi nào sau đây có thể là VPPL?

**a.**Vi phạm nội quy – quy chế trường học                                **b.**Vi phạm tín điều tôn giáo

**c.**Vi phạm điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh        **d.**Tất cả đều đúng

**Câu 171.** Khi nghiên cứu về VPPL thì khẳng định nào sau đây là đúng?

**a.**Mọi hành vi trái pháp luật đều xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ

**b.**Mọi hành vi xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là VPPL

**c.**Mọi hành vi VPPL đều trái pháp luật

**d.**Mọi hành vi trái pháp luật đều là VPPL

**Câu 172.** Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý:

**a.**Chỉ được áp dụng khi có hành vi VPPL xảy ra trong xã hội

**b.**Là quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể VPPL thực hiện bộ phận chế tài của QPPL

**c.**Là quá trình nhà nước xử lý hành vi VPPL

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 173.** Để truy cứu trách nhiệm pháp lý cần xác định:

**a.**Có hành vi VPPL xảy ra, còn thời hiệu truy cứu TNPL                       **b.**Lỗi của chủ thể VPPL

**c.**Hành vi trái pháp luật của chủ thể                                                         **d.**Hậu quả gây thiệt hại cho XH

**Câu 174.** Thông thường VPPL được phân thành các loại:

**a.**Tội phạm và VPPL khác

**b.**Vi phạm hình sự; vi phạm dân sự; vi phạm hành chính và vi phạm kỷ luật

**c.**Tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi

**d.**Vi phạm luật tài chính, vi phạm luật đất đai, vi phạm lao động, vi phạm hôn nhân

**Câu 175.** Chủ thể phổ biến nhất tham gia vào QHPL là:

**a.**Cá nhân                                                                    **b.**Pháp nhân

**c.**Tổ chức                                                                   **d.**Hộ gia đình

**Câu 176**. Bộ phận giả định của QPPL nói đến các yếu tố sau:

a. Hoàn cảnh                                                                                    b. Điều kiện

c. Cách thức xử sự                                                                           d. Hoàn cảnh, điều kiện, thời gian, địa điểm

**Câu 177**. VPPL được cấu thành bởi:

a. Mặt khách quan                                                             b. Mặt chủ quan

c. Chủ thể và khách thể                                                    d. Cả a, b và c đúng

**Câu 178**. Điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của QHPL là:

a. Là quan hệ xã hội                                                                b. Được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế nhà nước

c. Không mang tính ý chí                                                        d. Xuất hiện trên cơ sở các QPPL

**Câu 179**. Mặt chủ quan của VPPL bao gồm:

a. Lỗi                                                                                b. Động cơ

c. Mục đích                                                                  d. Cả a, b và c đúng

**Câu 180**. yếu tố nào sau đây không thể hiện nội dung mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và sự thiệt hại của xã hội

a. Hành vi trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp                              b. Sự thiệt hại của XH là kết quả tất yếu

c. Hậu quả của VPPL phù hợp với mục đích của chủ thể                     d. Hành vi xảy ra trước sự thiệt hại

**Câu 181**. Nội dung của trách nhiệm pháp lý thể hiện

a. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia

b. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý

c. Căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý

d. Việc chủ thể VPPL có nghĩa vụ gánh chịu hậu quả bất lợi

**Câu 182**. NLPL của pháp nhân chấm dứt khi pháp nhân:

a. Không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng                                   b. Bị giải thể

c. Bị tuyên bố phá sản                                                                        d. Cả b và c đúng

**Câu 183**. NLHV xuất hiện ở cá nhân khi:

a. Có khả năng nhận thức                                                               b. Được sinh ra

c. Đạt đến độ tuổi nhất định                                                            d. Đạt đến độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức

**Câu 184**. NLHV của pháp nhân xuất hiện:

a. Khi được cấp con dấu và mã số thuế                                            b. Cùng với NLPL

c. Khi có quyết định thành lập pháp nhân                                          d. Tất cả đều đúng

**Câu 185**. Sự biến pháp lý là những sự kiện thực tế:

a. Không phản ánh ý chí của con người

b. Phản ánh ý chí của con người

c. Không phản ánh ý chí của con người và đựơc pháp luật quy định

d. Được pháp luật quy định

**Câu 186**. Chủ thể có tự do ý chí để lựa chọn cách thức xử sự phù hợp với ý chí của mình là dấu hiệu thuộc về  
a. NLPL                                                                      b. Năng lực trách nhiệm pháp lý

c. Năng lực chủ thể                                                              d. NLHV

**Câu 187**. NLHV dân sự của cá nhân có thể bị hạn chế khi:

a. Không có khả năng nhận thức                                                        b. Đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

c. Bị nghiện ma tuý                                                                             d. Tất cả đều sai

**Câu 188**. Cá nhân không có NLHV dân sự khi:

a. Nghiện rượu                                                              b. Bị Toà án tuyên bố

c. Chưa đủ 6 tuổi                                                           d. Bị mất trí

**CHƯƠNG IV: HÌNH THỨC VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

**Câu 1**. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong HTPL Việt Nam:

**a.**Pháp lệnh                                                                       **b.**Luật

**c.**Hiến pháp                                                                         **d.**Nghị quyết của Quốc hội

**Câu 2**. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

**a.**Luật tổ chức Quốc hội                                                                  **b.**Luật tổ chức Chính phủ

**c.**Luật tổ chức chính quyền địa phương                                            **d.**Hiến pháp

**Câu 3**. Hiến pháp xuất hiện:

**a.**Từ nhà nước chủ nô                                                                         **b.**Từ nhà nước phong kiến

**c.**Từ nhà nước tư sản                                                                           **d.**Từ nhà nước XHCN

**Câu 4**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

**b.**Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

**c.**Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 5**. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 268, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam 2015, nếu tội phạm có khung hình phạt từ 15 năm trở xuống thì thuộc thẩm quyền xét xử của:

**a.**Tòa án nhân dân cấp huyện                                                              **b.**Tòa án nhân dân cấp tỉnh

**c.**Tòa án nhân dân tối cao                                                                   **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 6**. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

**a.**Luật, nghị quyết                                                                           **b.**Luật, pháp lệnh

**c.**Pháp lệnh, nghị quyết                                                               **d.**Pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

**Câu 7**. Trong HTPL Việt Nam, để được coi là một ngành luật độc lập khi:

**a.**Ngành luật đó phải có đối tượng điều chỉnh                                **b.**Ngành luật đó phải có PP điều chỉnh

**c.**Ngành luật đó phải có đầy đủ các VBQPPL                                **d.**Cả a và b

**Câu 8**. UBND và Chủ tịch UBND các cấp có quyền ban hành những loại VBPL nào:

**a.**Nghị định, quyết định                                                                     **b.**Quyết định, chỉ thị

**c.**Quyết định, chỉ thị, thông tư                                                           **d.**Nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị

**Câu 9**. Có thể thay đổi HTPL bằng cách:

**a.**Ban hành mới VBPL                                                                      **b.**Sửa đổi, bổ sung các VBPL hiện hành

**c.**Đình chỉ, bãi bỏ các VBPL hiện hành                                         **d.**Cả a, b và c

**Câu 10**. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành loại VBPL nào:

**a.**Nghị quyết                                                                                    **b.**Nghị định

**c.**Nghị quyết, nghị định                                                                   **d.**Nghị quyết, nghị định, quyết định

**Câu 11**. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được Viện kiểm sát, Tòa án có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi:

**a.**Người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

**b.**Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

**c.**Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng PL trong quá trình giải quyết vụ án.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 12**. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

**a.**VBPL chỉ áp dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

**b.**VBPL chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

**c.**VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

**d.**Cả a, b và c

**Câu 13**. Trong các loại VBPL, văn bản chủ đạo:

**a.**Luôn luôn chứa đựng các QPPL                                                          **b.**Mang tính cá biệt – cụ thể

**c.**Nêu lên các chủ trương, đường lối, chính sách                                    **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 14**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật đất đai                                                           **b.**Ngành luật đầu tư

**c.**Ngành luật quốc tế                                                         **d.**Ngành luật lao động

**Câu 15**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật kinh tế                                                    **b.**Ngành luật hành chính

**c.**Ngành luật cạnh tranh**d.**Ngành luật quốc tế

**Câu 16**. Các đặc điểm, thuộc tính của chế định pháp luật:

**a.**Là hệ thống nhỏ trong ngành luật hoặc phân ngành luật

**b.**Là một nhóm những các QPPL có quan hệ chặt chẽ với nhau điều chỉnh một nhóm các QHXH cùng loại – những QHXH có cùng nội dung, tính chất có quan hệ mật thiết với nhau.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 17**. Sự thay đổi hệ thống QPPL có thể được thực hiện bằng cách:

**a.**Ban hành mới; sửa đổi, bổ sung                                                 **b.**Đình chỉ; bãi bỏ

**c.**Thay đổi phạm vi hiệu lực                                                               **d.**Cả a, b và c

**Câu 18**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Hình thức bên ngoài của pháp luật là nguồn của pháp luật

**b.**Hình thức bên trong của pháp luật là nguồn của pháp luật

**c.**Cả hình thức bên trong và hình thức bên ngoài của pháp luật đều là nguồn của pháp luật

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 19**. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong trong số các loại văn bản sau của HTPL Việt Nam:

**a.**Quyết định                                                                     **b.**Nghị định

**c.**Thông tư                                                                        **d.**Chỉ thị

**Câu 20**. Người lao động không có quyền:

**a.**Tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc

**b.**Lựa chọn nghề và nơi học nghề phù hợp

**c.**Tự do làm việc sau khi đã ký kết hợp đồng lao động

**d.**Làm việc cho nhiều chủ sử dụng lao động nhưng phải đảm bảo các điều kiện đã cam kết, thỏa thuận

**Câu 21**. Hiệu lực về không gian của VBQPPL Việt Nam được hiểu là:

**a.**Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài và phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**b.**Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài.

**c.**Khoảng không gian trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và phần lãnh thổ trong sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, phần không gian trên tàu bè mang quốc tịch Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài, nhưng trừ đi phần lãnh thổ của đại sứ quán nước ngoài, phần không gian trên tàu bè nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 22**. Tòa án nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

**a.**Tòa hình sự                                                                                **b.**Tòa hình sự, tòa kinh tế

**c.**Tòa hành chính, tòa hình sự                                                      **d.**Tòa dân sự, tòa hành chính

**Câu 23**. Loại nguồn được công nhận trong HTPL Việt Nam:

**a.**VBPL                                                                                      **b.**VBPL và tập quán pháp

**c.**VBPL, tập quán pháp và tiền lệ pháp                                       **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 24**. Thủ tướng chính phủ có quyền ban hành những loại VBQPPL nào:

**a.**Nghị định, quyết định                                                                      **b.**Chỉ thị

**c.**Quyết định, thông tư                                                                         **d.**Quyết định

**Câu 25**. Đâu là VBPL:

**a.**Văn bản chủ đạo                                                                              **b.**VBQPPL

**c.**Văn bản ADPL hay văn bản cá biệt – cụ thể                                  **d.**Cả a, b và c

**Câu 26**. Bộ trưởng có quyền ban hành những loại VBQPPL nào:

**a.**Nghị định, quyết định                                                                    **b.**Thông tư

**c.**Quyết định, thông tư                                                                        **d.**Thông tư, chỉ thị

**Câu 27**. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

**a.**Bộ Luật                                                                            **b.**Pháp lệnh

**c.**Thông tư                                                                          **d.**Chỉ thị

**Câu 28**. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

**a.**VBPL chỉ áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

**b.**VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

**c.**VBPL áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước và sau thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 29**. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Ngành luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

**b.**Đạo luật phải có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 30**. Để phân biệt ngành luật với các đạo luật, nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Đạo luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của ngành luật

**b.**Ngành luật là văn bản chứa các QPPL, là nguồn của đạo luật

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 31**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam

**a.**Ngành luật hiến pháp (ngành luật nhà nước)                                  **b.**Ngành luật dân sự

**c.**Ngành luật hôn nhân và gia đình                                                     **d.**Ngành luật hàng hải

**Câu 32**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật lao động                                                                       **b.**Ngành luật hôn nhân và gia đình

**c.**Ngành luật nhà ở**d.**Ngành luật tố tụng dân sự

**Câu 33**. Các đặc điểm, thuộc tính của một ngành luật:

**a.**Là một tiểu hệ thống lớn nhất của HTPL của một quốc gia

**b.**Mỗi ngành luật điều chỉnh một lĩnh vực QHXH nhất định có tính đặc thù

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 34**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Các nghị quyết của ĐCS được đưa ra sau sẽ làm mất hiệu lực các nghị quyết của ĐCS được đưa ra trước.

**b.**VBPL điều chỉnh cùng một lĩnh vực QHXH được ban hành sau sẽ tự động đình chỉ hiệu lực của VBPL ban hành trước đó.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 35**. Doanh nghiệp nói chung có thể được kinh doanh:

**a.**Tất cả những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

**b.**Tất cả những ngành nghề pháp luật cho phép trong danh mục ngành, nghề kinh tế quốc dân.

**c.**Tất cả những ngành nghề đã đăng ký kinh doanh với nhà nước.

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 36**. Điều 33 Hiến pháp Việt Nam 2013, quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”, được hiểu là:

**a.**Quy định về NLPL của công dân                                                        **b.**Quy định về NLHV của công dân

**c.**Quy định về NLPL và NLHV của công dân                                       **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 37**. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 268, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam 2015, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự về:

**a.**Tội phạm ít nghiêm trọng

**b.**Tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng

**c.**Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng

**d.**Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

**Câu 38**. Chủ tịch nước có quyền ban hành những loại VBPL nào:

**a.**Luật, quyết định                                                               **b.**Luật, lệnh

**c.**Luật, lệnh, quyết định                                                      **d.**Lệnh, quyết định

**Câu 39**. Chính phủ có quyền ban hành những loại VBQPPL nào:

**a.**Luật, pháp lệnh                                                                                 **b.**Pháp lệnh, nghị quyết

**c.**Nghị định                                                                                          **d.**Nghị định, quyết định

**Câu 40**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**VBPL là một loại VBQPPL                                                              **b.**VBQPPL là một loại VBPL

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                          **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 41**. Phương pháp quyền uy – phục tùng là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

**a.**Ngành luật hình sự                                                        **b.**Ngành luật dân sự

**c.**Ngành luật hành chính                                                 **d.**a và c đều đúng

**Câu 42**. Hiệu lực của VBQPPL bao gồm:

**a.**Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian

**b.**Hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

**c.**Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

**d.**Hiệu lực về thời gian; hiệu lực về không gian; hiệu lực về đối tượng áp dụng

**Câu 43**. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong các văn bản sau của hệ thống VBQPPL Việt Nam:

**a.**Luật                                                                                **b.**Pháp lệnh

**c.**Thông tư                                                                            **d.**Chỉ thị

**Câu 44**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)                               **b.**Ngành luật hành chính

**c.**Ngành luật hình sự                                                                                **d.**Ngành luật môi trường

**Câu 45**. Đâu là ngành luật trong HTPL Việt Nam

**a.**Ngành luật hành chính                                                                     **b.**Ngành luật doanh nghiệp

**c.**Ngành luật môi trường                                                                    **d.**Ngành luật báo chí

**Câu 46**. Phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL:

**a.**Giả định hoặc quy định hoặc chế tài                                          **b.**Điều luật

**c.**QPPL                                                                   **d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 47**. Theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam, một năm có mấy ngày nghỉ lễ:

**a.**8 ngày                                                                            **b.**9 ngày

**c.**10 ngày                                                                            **d.**11 ngày

**Câu 48**. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

**a.**Bộ luật dân sự                                                             **b.**Bộ luật hình sự

**c.**Hiến pháp                                                                    **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 49**. Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

**a.**Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích NN

**b.**Công pháp là lĩnh vực pháp luật điều vừa chỉnh những QHXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 50**. Theo HTPL châu Âu lục địa, khẳng định nào là đúng:

**a.**Tư pháp là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những QHXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

**b.**Tư pháp là lĩnh vực pháp luật vừa điều chỉnh những QHXH liên quan tới lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, vừa điều chỉnh những QHXH liên quan tới lợi ích của cá nhân, tổ chức.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 51**. Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, khi xét xử:

**a.**Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

**b.**Hội thẩm phải phụ thuộc vào Thẩm phán trong quá trình xét xử, và tuân theo pháp luật.

**c.**Thẩm phán phải phụ thuộc vào Hội thẩm trong quá trình xét xử, và phải tuân theo pháp luật.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 52**. Loại nguồn được công nhận trong hệ thống VBPL Việt Nam:

**a.**VBQPPL                                                                      **b.**Tập quán pháp

**c.**Tiền lệ pháp                                                               **d.** Cả a, b và c đúng

**Câu 53**. Chức năng công tố của viện kiểm sát có nghĩa là:

**a.**Xét xử các vụ án                                                           **b.**Điều tra các vụ án

**c.**Buộc tội (truy tố) người đã bị khởi tố trước tòa án**d.**Kiểm sát việc tuân theo pháp luật các hoạt động bảo vệ pháp luật

**Câu 54**. Đạo luật nào quy định trình tự, thủ tục, các giai đoạn giải quyết các vụ tranh chấp dân sự:

**a.**Bộ luật dân sự                                                                           **b.**Bộ luật hình sự

**c.**Bộ luật tố tụng dân sự                                                                 **d.**Bộ luật tố tụng hình sự

**Câu 55**. Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

**a.**Hiến pháp, luật                                                                           **b.**Hiến pháp, luật, pháp lệnh

**c.**Hiến pháp, luật, nghị quyết                                                          **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 56**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**Chỉ có VBQPPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

**b.**Chỉ có VBQPPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

**c.**Chỉ có VBQPPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 57**. Phương pháp tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

**a.**Ngành luật kinh tế                                                                             **b.**Ngành luật hôn nhân – gia đình

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                          **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 58**. Phương pháp tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận là phương pháp điều chỉnh của ngành luật nào:

**a.**Ngành luật dân sự                                                                             **b.**Ngành luật lao động

**c.**Cả a và b đều đúng                                                                         **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 59**. HTPL nào sau đây là HTPL thành văn:

**a.**HTPL Anh – Mỹ                                                                            **b.**HTPL châu Âu lục địa

**c.**HTPL XHCN                                                                                  **d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 60**. HTPL nào sau đây là HTPL không thành văn:

**a.**HTPL Anh – Mỹ                                                                             **b.**HTPL châu Âu lục địa

**c.**HTPL XHCN                                                                                   **d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 61**. Bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân có hiệu lực thi hành khi:

**a.**Ngay khi tòa tuyên án.

**b.**Sau 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án nếu người bị kết án, các đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, viện kiểm sát và tòa án có thẩm quyền không kháng nghị.

**c.**Sau 30 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

**d.**Sau 1 năm kể từ ngày tòa tuyên án.

**Câu 62**. Bản án phúc thẩm của tòa án nhân dân có hiệu lực thi hành khi:

**a.**Ngay sau khi tòa tuyên án.                                                            **b.**Sau 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

**c.**Sau 30 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.                                            **d.**Sau một năm kể từ ngày tòa tuyên án

**Câu 63**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật dân sự                                                                          **b.**Ngành luật tố tụng dân sự

**c.**Ngành luật doanh nghiệp                                                               **d.**Ngành luật tố tụng hình sự

**Câu 64**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật hình sự                                                                         **b.**Ngành luật an ninh quốc gia

**c.**Ngành luật tố tụng hình sự                                                             **d.**Ngành luật tài chính

**Câu 65**. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

**a.**HTPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật

**b.**HTPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 66**. Để phân biệt HTPL và hệ thống VBPL, khẳng định nào sau là đúng:

**a.**Hệ thống VBPL là khái niệm liên quan đến hình thức biểu hiện bên ngoài của pháp luật, phản ánh tình trạng nguồn của pháp luật.

**b.**Hệ thống VBPL là cơ cấu bên trong của pháp luật, bao gồm các ngành luật, các phân ngành luật và các chế định pháp luật

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 67**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Mỗi bản Hiến pháp Việt Nam được ban hành phản ánh bước ngoặt của một giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam.

**b.**Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1992 mới phản ánh bước ngoặt của giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam.                                                                               **d.**Cả a, b và c đều sai

**c.**Chỉ có Hiến pháp 1946 mới phản ánh bước ngoặt của giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam.

**Câu 68**. VBPL chủ đạo là văn bản:

**a.**Chứa đựng những QPPL

**b.**Quy định những chủ trương, đường lối, chính sách, nhiệm vụ chung quan trọng

**c.**Được ban hành để giải quyết những vụ việc cá biệt, cụ thể

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 69**. Khẳng định nào sau đây là đúng:

**a.**Điều luật là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

**b.**QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

**c.**Cả điều luật và QPPL là phần tử cấu thành nhỏ nhất của HTPL

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 70**. Theo Điều 53 Hiến pháp Việt Nam 2013, quy định về chế độ sở hữu đối với đất đai, thì:

**a.**Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai.

**b.**Tổ chức có quyền sở hữu đối với đất đai, còn cá nhân, hộ gia đình tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai.

**c.**Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác có quyền sở hữu đối với đất đai.

**d.**Cả a, b và c đều sai

**Câu 71**. Theo pháp luật Việt Nam, chủ thể kinh doanh bao gồm:

**a.**Tất cả các DN hoạt động kinh doanh                 

**b.**Tất cả các pháp nhân theo pháp luật VN

**c.**Tất cả các tổ chức kinh tế hoạt động KD

**d.**Cá nhân, tổ chức có quyền thực hiện hành vi KD

**Câu 72**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.

**b.**Hiến pháp là đạo luật nhằm mở rộng quyền lực.

**c.**Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

**d.**Cả a và c đều đúng.

**Câu 73**. Khẳng định nào đúng:

**a.**Hiến pháp là đạo luật nhằm hạn chế quyền lực.

**b.**Hiến pháp là đạo luật cơ bản quy định cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

**c.**Cả a và c đều đúng.

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 74**. Đạo luật điều chỉnh việc ban hành VBQPPL:

**a.**Luật tổ chức chính phủ                                                                      **b.**Hiến pháp

**c.**Luật tổ chức quốc hội                                                                          **d.**Luật ban hành VBQPPL

**Câu 75**. Khẳng định nào là đúng:

**a.**VBPL là một loại VBQPPL                                                                **b.**VBQPPL là một loại VBPL

**c.**VBPL có thể có quy phạm hoặc không có quy phạm                         **d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 76**. Đạo luật quy định trình tự, thủ tục đưa một người VPPL hình sự ra xét xử và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**a.**Bộ luật hình sự                                                                                    **b.**Bộ luật dân sự

**c.**Bộ luật tố tụng hình sự                                                                 **d.**Bộ luật tố tụng dân sự

**Câu 77**. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi:

**a.**Khi người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

**b.**Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.

**c.**Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.                            

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 78**. HTPL của Nước CHXHCN Việt Nam hiện nay được chia thành mấy ngành:

**a.**10 ngành                                                                       **b.**11 ngành

**c.**12 ngành                                                                        **d.**13 ngành

**Câu 79**. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật xây dựng                                                                     **b.**Ngành luật hôn nhân và gia đình

**c.**Ngành luật kinh tế                                                                         **d.**Ngành luật tài chính

**Câu 80**. Đâu là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

**a.**Ngành luật đất đai                                                                         **b.**Ngành luật dầu khí

**c.**Ngành luật tài chính                                                                      **d.**Ngành luật dân sự

**Câu 81**. Toà án có thẩm quyền xét xử theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật:

**a.**Toà án nhân dân cấp huyện

**b.**Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định

**c.**Toà án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm theo thẩm quyền do luật định.

**d.**Cả b và c đều đúng

**Câu 82**. Một VBQPPL do CQNN hoặc người có thẩm quyền ban hành, hết hiệu lực khi:

**a.**Bị một văn bản được ban hành sau thay thế và văn bản đó đã có hiệu lực

**b.**Bị CQNN hoặc người có thẩm quyền bãi bỏ hay đình chỉ hiệu lực

**c.**Được CQNN hoặc người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 83**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Hiến pháp Việt Nam 1946 là bước chuyển từ chế độ quân chủ, thực dân sang chế độ cộng hoà dân chủ.

**b.**Hiến pháp 1959 hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân và đưa miền Bắc tiến lên XHCN, đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 84**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Hiến pháp Việt Nam 1946 hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân và đưa miền Bắc tiến lên XHCN, đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.

**b.**Hiến pháp 1959 là bước chuyển từ chế độ quân chủ, thực dân sang chế độ cộng hoà dân chủ.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 85**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Hiến pháp 1980 là Hiến pháp thống nhất nước nhà và đưa cả nước đi lên CNXH.

**b.**Hiến pháp 1992 là Hiến pháp của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 86**. Nhận định nào sau đây là đúng:

**a.**Hiến pháp 1980 là Hiến pháp của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

**b.**Hiến pháp 1992 là Hiến pháp thống nhất nước nhà và đưa cả nước đi lên CNXH.

**c.**Cả a và b đều đúng

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 87**. Khái niệm “Hành pháp” tương đương với khái niệm nào:

**a.**Hành chính                                                              **b.**Lập pháp

**c.**Tư pháp                                                                 **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 88**. Khái niệm “Hành pháp” tương đương với khái niệm nào:

**a.**Lập pháp                                                                          **b.**Tư pháp

**c.**Quản lý NN                                                          **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 89**. Khái niệm “Hành pháp” tương đương với khái niệm nào:

**a.**Lập pháp                                                               **b.**Chấp hành và điều hành

**c.**Tư pháp                                                                     **d.**Cả a, b và c đúng

**Câu 90**. Toà án có chức năng xét xử những hành vi vi phạm hiến pháp (vi hiến):

**a.**Toà bảo hiến                                                                **b.**Toà hiến pháp

**c.**Cả a và b đều đúng                                                       **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 91**. Các dấu hiệu của VBQPPL:

**a.**Có tính bắt buộc chung                                                                    **b.**Được áp dụng nhiều lần và lâu dài

**c.**Cả a và b đều đúng.                                                                        **d.**Cả a và b đều sai

**Câu 92**. Các dấu hiệu của VBQPPL:

**a.**Được áp dụng nhiều lần và lâu dài

**b.**Nếu chỉ áp dụng một lần thì hiệu lực của văn bản vẫn tồn tại mặc dù đã được thực hiện

**c.**Cả a và b đều đúng.

**d.**Cả a và b đều sai

**Câu 93**. Trên một tờ báo có viết “Đến tháng 5 năm 2016, Chính phủ còn “nợ” của dân 200 VBPL”, điều này có nghĩa là:

**a.**Chính phủ còn ban hành thiếu 200 đạo luật

**b.**Chính phủ còn ban hành thiếu 200 văn bản hướng dẫn (văn bản pháp quy)

**c.**Quốc hội còn ban hành thiếu 200 đạo luật

**d.**Tất cả các câu trên đều sai

**Câu 94**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 15/6/2018, Chủ tịch nước CHXHCNVN đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …… công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV.

a. Lệnh                                                                            b. Quyết định

c. Luật                                                                               d. Nghị quyết

**Câu 95**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 15/6/2018, Chủ tịch nước CHXHCNVN đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …… công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV.

a. Lệnh                                                                           b. Quyết định

c. Cả a và b đều đúng                                                        d. Cả a và b đều sai

**Câu 96**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 15/6/2018, Chủ tịch nước CHXHCNVN đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …… công bố các luật đã được thông qua tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV.

a. Nghị quyết                                                                             b. Quyết định

c. Luật                                                                          d. Cả a và b đều sai

**Câu 97**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 24 tháng 8 năm 2017, Chủ tịch nước CHXHCNVN đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …………… công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2017.

a. Lệnh                                                                                 b. Chỉ thị

c. Quyết định                                                                   d. Nghị quyết

**Câu 98**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 24 tháng 8 năm 2017, Chủ tịch nước CHXHCNVN đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …………… công bố việc đặc xá cho phạm nhân đợt hai năm 2017.

a. Lệnh                                                                                 b. Chỉ thị

c. Cả a và b đều đúng                                                        d. Cả a và b đều sai

**Câu 99**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 24 tháng 8 năm 2017, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …… công bố việc …… cho phạm nhân đợt hai năm 2017.

a. Lệnh ……………. đại xá                                                              b. Chỉ thị………..........đặc xá

c. Quyết định……………đặc xá                                                       d. Quyết định…….…...đại xá

**Câu 100**. Trên một tờ báo có đưa tin: “Sáng ngày 24 tháng 8 năm 2017, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã tổ chức cuộc họp báo về việc ban hành …… công bố việc …… cho phạm nhân đợt hai năm 2017.

a. Lệnh……………….đặc xá                                                         b. Quyết định ………………. đại xá

c. Cả a và b đều đúng                                                                    d. Cả a và b đều sai

**Câu 101**. Ngày 27/03/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành ……… 03/2018/…….-TTg về tăng cường công tác phòng chống bão lũ năm 2018.

a. Quyết định …………… QĐ                                                          b. Chỉ thị ………… CT

c. Thông tư …………….. TT                                                            d. Nghị quyết .……. NQ

**Câu 102**. Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên

thành pháp luật. Trong lịch sử loài người đã có ............ hình thức pháp luật, đó là ..................

a. 4 - tập quán pháp, tiền lệ pháp, điều lệ pháp và văn bản QPPL         d. 1 - văn bản QPPL

b. 3 - tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản QPPL                                     c. 2 - tập quán pháp và văn bản QPPL

**Câu 103**. Trong quan hệ mua bán, khách thể là:

a. Quyền sở hữu căn nhà của người mua                                                 b. Quyền sở hữu số tiền của người bán

c. Căn nhà, số tiền                                                                                    d. Cả a và b đúng

**Câu 104**. Pháp lệnh là một loại văn bản pháp luật do cơ quan nào sau đây ban hành:

a. Quốc hội                                                                    b. Ủy ban thường vụ Quốc hội

c. Chính phủ                                                                  d. Cả a, b và c

**Câu 105**. Hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất và được sử dụng nhiều trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến là:

a. Tiền lệ pháp                                                                    b. Điều lệ pháp

c. Tập quán pháp                                                                 d. Văn bản QPPL

**Câu 106**. Hệ thống pháp luật gồm:

a. Hệ thống cấu trúc của pháp luật và hệ thống văn bản QPPL

b. QPPL, chế định pháp luật và ngành luật

c. Tập hợp hóa và pháp điển hóa

d. Tất cả đều sai

**Câu 107**. Chủ thể nào sau đây không có quyền ban hành VBQPPL có tên là “Quyết định”?

a. Thủ tướng Chính phủ                                                               b. Bộ trưởng

c. Chủ tịch UBND                                                           d. Cả a, b và c

**Câu 108**. Hệ thống cấu trúc bên trong của pháp luật có ba thành tố ở ba cấp độ khác nhau. Hãy cho biết các thành tố đó là gì?

**a.**QPPL, giả định, chế tài                                                                 **b.**QPPL, chế định luật, ngành luật

**c.**Ngành luật, quy định, chế tài                                                         **d.**Chế định pháp luật, giả định, quy định

**Câu 109**. Căn cứ để xác định ranh giới giữa các ngành luật là:

**a.**Những nguyên tắc phổ biến của ngành luật đó

**b.**Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh

**c.**Nguồn của pháp luật

**d.**Các văn bản QPPL của ngành luật đó

**Câu 110.** Trong trường hợp nào thì không được quy định hiệu lực trở về trước *(hiệu lực hồi tố)*?

**a.**Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

**b.**Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định.

**c. Cả a và b** đều đúng.

**d. Cả a và b** đều sai.

**Câu 111.** Văn bản QPPL nào sau đây do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành?

**a.**Thông tư                                                                **b.**Pháp lệnh

**c.**Luật                                                                 **d.**Nghị quyết

**Câu 112.** Câu nào sau đây là sai?

**a.**Mối liên hệ giữa các chế định pháp luật trong một ngành luật không chặt chẽ bằng mối liên hệ giữa các QPPL trong một chế định pháp luật

**b.**Các chế định pháp luật liên hệ với nhau tạo thành ngành luật nên trong một ngành luật, không được thiếu bất kỳ một chế định pháp luật, vì nếu thiếu một chế định pháp luật nào thì ngành luật đó không thể tồn tại được

**c.**Ngành luật là tổng hợp nhiều QPPL đã được sắp xếp thành các chế định pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực của đời sống xã hội

**d.**Trong một ngành luật, có thể thiếu một vài chế định pháp luật, ngành luật đó không hoàn thiện nhưng vẫn tồn tại

**Câu 113**. Để xác định tính đồng bộ của hệ thống pháp luật đòi hỏi các yếu tố tạo thành hệ thống pháp luật phải có sự thống nhất với nhau. Điều này được biểu hiện ở yêu cầu nào?

**a.**Đồng bộ giữa các ngành luật                                              **b.**Đồng bộ giữa các văn bản

**c.**Đồng bộ trong bản thân các ngành luật                                      **d.**Tất cả đều đúng

**Câu 114.** Văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, có chứa đựng các quy tắc xử sự chung và được nhà nước đảm bảo thực hiện là:

**a.**Lời tuyên bố                                                                 **b.**Văn bản QPPL

**c.**Lời hiệu triệu                                                             **d.**Thông báo

**Câu 115.** Hệ thống văn bản QPPL hiện nay của Nhà nước ta bao gồm:

**a.**Nhóm văn bản do Quốc hội ban hành

**b.**Nhóm văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương ban hành

**c.**Nhóm văn bản do HĐND, UBND ban hành

**d.**Cả ba nhóm trên

**Câu 116.** Văn bản QPPL là hình thức pháp luật tiến bộ nhất vì:

**a.**Được nhà nước thừa nhận từ một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội

**b.**Luôn có tính rõ ràng, cụ thể, điều chỉnh được nhiều quan hệ xã hội trên các lĩnh vực khác nhau

**c.**Ngày càng được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới

**d.**Cả a, b và c đều đúng

**Câu 117.** Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: ............... là tổng thể các QPPL có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản QPPL do nhà nước ban hành.

**a.**QHPL                                                                                  **b.**Hệ thống pháp luật

**c.**QPPL                                                                        **d.**Ngành luật

**Câu 118.** Hình thức biểu hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật được cấu thành từ:

**a.**Các QPPL                                                                    **b.**Các loại văn bản pháp luật

**c.**Các văn bản QPPL                                                               **d.**Các ngành luật

**Câu 119**. Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: ................. là đơn vị nhỏ nhất cấu thành nên hệ thống pháp luật:

**a.**Ngành luật                                                                          **b.**Văn bản pháp luật

**c.**Chế định pháp luật                                                            **d.**QPPL

**Câu 120.** Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: ................ là một nhóm các QPPL có đặc điểm chung, cùng điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất:

**a.**Ngành luật                                                                    **b.**Quan hệ  pháp luật

**c.**Chế định pháp luật                                                                   **d.**QPPL

**Câu 121.** Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: ................. là hệ thống các QPPL điều chỉnh các quan hệ cùng loại trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

**a.**Hệ thống pháp luật                                                  **b.**Ngành luật

**c.**Chế định pháp luật                                                           **d.**Pháp luật

**Câu 122.** Văn bản QPPL là văn bản do:

**a.**Quốc hội ban hành                                                        **b.**Chủ tịch nước ban hành

**c.**Chính phủ ban hành                                                **d.**Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

**Câu 123.** Văn bản QPPL có mấy loại:

**a.**3 loại là: Hiến pháp; đạo luật, bộ luật; văn bản dưới luật

**b.**2 loại là: Văn bản luật; văn bản dưới luật

**c.**2 loại là: Văn bản luật; văn bản áp dụng pháp luật

**d.**1 loại là: Bao gồm tất cả các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

**Câu 124.** Hiến pháp là một đạo luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam vì:

**a.**Do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành

**b.**Quy định về những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của nhà nước

**c.**Có giá trị pháp lý cao nhất

**d.**Cả a, b và c

**Câu 125.**  Chọn phương án đúng điền vào chỗ trống: ................. là văn bản QPPL do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành.

**a.**Pháp lệnh                                                                     **b.**Quyết định

**c.**Văn bản dưới luật                                                           **d.**Văn bản luật

**Câu 126.** Đặc điểm của văn bản QPPL là:

a. Do cơ quan nhà nước có thầm quyền ban hành                              c. Được áp dụng nhiều lần

b. Chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung                d. Cả a, b và c đều đúng

**Câu 127**. Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền ban hành:

a. Quyết định, thông tư, chỉ thị                                                               b. Quyết định, thông tư

c. Quyết định, chỉ thị                                                                               d. Tất cả đều sai

**Câu 128**. Loại văn bản QPPL nào sau đây là văn bản luật:

a. Hiến pháp, đạo luật                                                                        b. Hiến pháp, đạo luật, bộ luật

c. Hiến pháp, đạo luật, pháp lệnh                                                        d. Hiến pháp, đạo luật, bộ luật, pháp lệnh

**Câu 129**. Việc xét lại bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc giai đoạn:  
a. Xét xử tái thẩm                                                                          b. Xét xử sơ thẩm  
c. Xét xử phúc thẩm                                                                     d. Xét xử giám đốc thẩm

**Câu 130**. Trình tự tố tụng đựơc sắp xếp theo thứ tự nào sau đây  
a. Điều tra - khởi tố - truy tố - xét xử                                            b. Khởi tố - truy tố - điều tra – xét xử  
c. Truy tố - điều tra - khởi tố - xét xử                                              d. Khởi tố - điều tra – truy tố - xét xử  
**Câu 131**. Khi có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật sẽ đựơc giải quyết theo trình tự:  
a. Giám đốc thẩm                                                             b. Tái thẩm

c. Phúc thẩm                                                                d. Tất cả đều đúng